

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
Số: 76 /2005/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
*Cần Thơ, ngày 14 tháng 12 năm 2005*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội**  
**5 năm 2006 – 2010 thành phố Cần Thơ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 – 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Báo cáo số 03-BC/TU ngày 07/12/2005 và Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 15/3/2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2005/NQ-HĐND ngày 14/7/2005 của HĐND thành phố Cần Thơ khoá VII (kỳ họp thứ 4);

Xét Tờ trình số 562/TTr-KHĐT ngày 01/9/2005 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay, ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 thành phố Cần Thơ (đính kèm).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 thành phố Cần Thơ của các Sở, Ban, ngành, quận, huyện; kịp thời báo cáo, đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm tổ chức thực hiện thành công Kế hoạch này.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện có trách nhiệm cụ thể hoá Kế hoạch này thành các kế hoạch, chương trình, đề án theo từng ngành, từng địa phương, từng năm với các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp khả thi, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện và định kỳ gửi các báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. CẦN THƠ**  
**CHỦ TỊCH**

**Võ Thanh Tông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010**

**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76/2005/QĐ-UBND

ngày 14/12/2005 của UBND thành phố Cần Thơ và thay thế

Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 18/11/2005

của UBND thành phố Cần Thơ)

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 thành phố Cần Thơ có vai trò quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2010 và Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có vai trò quyết định để thành phố Cần Thơ vươn lên trở thành đô thị loại I trước năm 2010 và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020, một cực phát triển đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện Nghị quyết 31/2005/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (kỳ họp thứ 4- khoá VII) về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của thành phố Cần Thơ với các nội dung sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

Thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương từ ngày 01/01/2004, được tách ra từ tỉnh Cần Thơ theo Nghị quyết 22/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội (khóa XI) và Nghị định 05/2004/NĐ-CP ngày 02/01/2004 của Chính phủ, bao gồm 4 quận: Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn và 4 huyện: Phong Điền, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thốt Nốt. Diện tích tự nhiên: 1.389,60 km<sup>2</sup>, dân số 1.141.653 người; trong đó dân cư thành thị chiếm 51,2%, dân cư nông thôn chiếm 48,8%; dân cư nông nghiệp chiếm 64,50%, phi nông nghiệp chiếm 35,5%. Mật độ dân số 821 người/km<sup>2</sup>, trong đó nội thành 1.745 người/km<sup>2</sup>, ngoại thành 568 người/km<sup>2</sup>,

Thành phố Cần Thơ có vị trí địa lý trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, cách thành phố Hồ Chí Minh 170 km về hướng Đông Bắc (theo quốc lộ IA), cách các đô thị lớn vùng đồng bằng sông Cửu Long trong khoảng cự ly từ 60 đến 120 km; là điểm hội tụ của nhiều tuyến giao thông thủy bộ quan trọng của vùng, tạo ra các trục phát triển từ thành phố Cần Thơ đến các thị xã, thành phố của nhiều tỉnh trong vùng. Trong tương quan chung của vùng, thành phố Cần Thơ là đô thị lớn, trình độ phát triển khá, thể hiện được các đặc trưng cơ bản của một trung tâm nhiều chức năng, có sức lan tỏa về kinh tế, văn hóa, xã hội, có vai trò quan trọng về quốc phòng an ninh.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 5 NĂM 2001 - 2005:**

**1. Đánh giá tổng quát:**

Bước vào kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, bên cạnh những thuận lợi cơ bản như tình hình chính trị - xã hội tiếp tục ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được phát huy, quan hệ hợp tác phát triển trong và ngoài nước mở rộng, nguồn lực kinh tế nâng lên, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước cải thiện, v.v... thành phố Cần Thơ vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như trình độ nền kinh tế còn thấp, mất cân đối lớn giữa nhu cầu đầu tư phát triển và khả năng tài chính, nguồn nhân lực nhiều mặt còn hạn chế, những biến động về giá cả và thị trường quốc tế, thiên tai và một số dịch bệnh mới phát sinh, v.v... làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình và tốc độ phát triển của thành phố.

Trong bối cảnh đó, đặc biệt sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và được Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 45-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ, các cấp chính quyền và nhân dân thành phố đã tiếp tục phát huy truyền thống, nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt cao so với kế hoạch 5 năm 2001- 2005 của tỉnh Cần Thơ (nay là thành phố Cần Thơ).

## **2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:**

Căn cứ kết quả phát triển kinh tế - xã hội 4 năm 2001 - 2004 và dự báo cho năm 2005, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm 2001 - 2005 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cần Thơ lần thứ X (nay là thành phố Cần Thơ) như sau:

(1). Tăng trưởng kinh tế bình quân 13,48% (chỉ tiêu tăng 9 - 10%); trong đó, khu vực I tăng bình quân 6,82% (chỉ tiêu tăng 3 - 4%), khu vực II tăng bình quân 17,9% (chỉ tiêu tăng 16 - 17%), khu vực III tăng bình quân 13,73% (chỉ tiêu tăng 10 - 11%).

(2). Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 theo giá hiện hành đạt 11,6 triệu đồng (chỉ tiêu 8,4 triệu đồng), quy USD đạt 720 USD (chỉ tiêu 600 USD); theo giá so sánh 94 đạt 7,49 triệu đồng, quy USD đạt 678 USD, tăng bình quân 12,22%.

(3). Cơ cấu kinh tế hiện nay là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; trong đó, tỷ trọng khu vực I: 17,76%, khu vực II: 38,16%, khu vực III: 44,08% (chỉ tiêu khu vực I: 32,5%, khu vực II: 32%, khu vực III: 35,5%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng: tỷ trọng khu vực I giảm 4,65%, khu vực II tăng 7,03%, khu vực III giảm 2,38% so năm 2000.

(4). Giá trị sản xuất (giá so sánh 94): nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 7,68% (chỉ tiêu tăng 4 - 5%); công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 19,26% (chỉ tiêu tăng 18 - 19%); dịch vụ tăng bình quân 14,48% (chỉ tiêu tăng 10 - 11%).

(5). Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ 5 năm đạt 1.300 triệu USD, tăng bình quân 18,36% (chỉ tiêu tăng 13 - 14%). Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm đạt 873,2 triệu USD, tăng bình quân 24,67% (chỉ tiêu tăng 17%).

(6). Tỷ lệ huy động vào ngân sách trên địa bàn/GDP bình quân 13,93%, tăng bình quân 14,57%. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng bình quân 16,54%; chi đầu tư phát triển tăng bình quân 28,3%; tỷ lệ chi đầu tư phát triển/tổng chi ngân sách trên địa bàn bình quân 52,64% (kể cả nguồn vốn TW bổ sung có mục tiêu).

(7). Tổng vốn đầu tư trên địa bàn thành phố trong 5 năm đạt 18.856,6 tỷ đồng (chỉ tiêu huy động 5 năm 2001 - 2005 trên địa bàn tỉnh Cần Thơ đạt 19.000 tỷ đồng). Tỷ lệ huy động vốn đầu tư/GDP của thành phố tăng từ 27,9% năm 2000 lên 55,4% năm 2005 (chỉ tiêu 29,5%).

(8). Mức giảm sinh bình quân hàng năm 0,2‰; tỷ lệ tăng dân số bình quân 1,13%. Qui mô dân số năm 2005 là 1.141.653 người.

(9). Trong 5 năm, giải quyết việc làm cho 125.527 lao động (chỉ tiêu 175.000 - 200.000 lao động); tỷ lệ lao động thất nghiệp/tổng số lao động 5,53% (chỉ tiêu còn 4 - 5%); tỷ lệ lao động qua đào tạo/tổng số lao động 22,65%; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề 16,6% (mục tiêu 15%).

(10). Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí cũ còn 1% (chỉ tiêu còn dưới 5%), giảm 18.400 hộ. Theo tiêu chí mới của TW, hiện thành phố còn 20.359/245.415 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 8,30%.

(11). Hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn vào năm 2004. Tỷ lệ huy động trẻ 0 - 2 tuổi vào nhà trẻ 6,5%; huy động trẻ 3 - 5 tuổi vào mẫu giáo 52%, trong đó tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo 91% (chỉ tiêu 90%); tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi: tiểu học 99,45% (chỉ tiêu 98 - 99%), tỷ lệ huy động học sinh trung học cơ sở 62% (chỉ tiêu 70%), tỷ lệ huy động học sinh trung học phổ thông trong độ tuổi 30%.

(12). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 23,3% (chỉ tiêu còn dưới 25%).

(13). Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện 98% (chỉ tiêu 90%), trong đó khu vực nông thôn 94,2% (chỉ tiêu 80%).

(14). Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch 88% (chỉ tiêu 80%); trong đó khu vực nông thôn 75% (chỉ tiêu 60%).

(15). Số xã, phường, nông trường văn hóa 22 đơn vị, đạt tỷ lệ 32,83% tổng số xã, phường (chỉ tiêu 25 - 30%); tỷ lệ hộ gia đình văn hoá 73,93%.

(16). Số máy điện thoại/100 dân 15,08 máy. Số xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã 15/67 xã, phường.

(17). Trong 5 năm xây dựng 1.607 căn nhà tình nghĩa, 3.732 căn nhà tình thương.

### 3. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực:

**3.1. Nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao và ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh từng bước được cải thiện, thu nhập dân cư tăng lên.** Tăng trưởng kinh tế bình quân 13,48%, năm sau cao hơn năm trước; giá trị GDP của nền kinh tế năm 2005 gấp 2,2 lần năm 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tỷ lệ đô thị hóa và bước đầu gắn sản xuất với thị trường; khu vực I chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị thủy sản, dịch vụ nông nghiệp, giảm tỷ trọng giá trị trồng trọt; khu vực II chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến nông - thủy sản, hoá chất, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng; khu vực III chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ vận tải, tài chính - tín dụng, du lịch. Trong cơ cấu lao động, tỷ trọng lao động các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ tăng lên, tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm dần dù mức độ chuyển dịch còn khá chậm. Theo kết quả xếp hạng năng lực cạnh tranh về môi trường kinh doanh cấp tỉnh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Dự án Nâng cấp năng lực cạnh tranh Việt Nam thực hiện, thành phố Cần Thơ xếp hạng 9/42 tỉnh, thành phố được khảo sát.

*a) Nông nghiệp - thủy sản đã đi vào thế ổn định, phát triển theo hướng sản xuất tập trung, hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa lớn như lúa chất lượng cao, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái, nuôi thủy sản; đẩy mạnh ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học, phương pháp canh tác tiên bộ, sử dụng giống mới, qua đó tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành nông, thủy sản hàng hóa. Mặc dù tốc độ đô thị hóa nhanh, diện tích đất nông nghiệp giảm, song giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân 7,68%, trong đó nông nghiệp tăng bình quân 4%, lâm nghiệp tăng bình quân 4,11%, thủy sản tăng bình quân 28,92%. Cơ cấu giá trị sản xuất từng ngành chuyển biến tích cực, so năm 2000 tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp giảm 12,70%, lâm nghiệp giảm 0,34%, thủy sản tăng 13,04%. Giá trị sản xuất/1ha đất nông nghiệp năm 2005 gấp 1,9 lần năm 2000 (từ 19,36 triệu đồng lên 36,95 triệu đồng); có trên 10.000 hộ nông dân đạt giá trị sản xuất trên 50 triệu đồng/ha, đặc biệt nhiều mô hình nuôi thủy sản chuyên canh đạt trên 100 triệu đồng/ha, lợi nhuận đạt 55 - 57% giá trị sản xuất. Nhìn chung, nông nghiệp thành phố đã từng bước chuyển sang hình thái nông nghiệp đô thị, gắn sản xuất với phát triển công nghiệp chế biến, các ngành dịch vụ và cải thiện môi trường sinh thái.*

Sản lượng lúa từ 1 triệu tấn tăng lên gần 1,2 triệu tấn/năm, trong đó có khoảng 80% là lúa chất lượng cao; diện tích, sản lượng bắp, đậu nành, mè tăng nhanh (từ trên dưới 1.000 tấn/năm, năm 2000 tăng lên 5.000 - 6.000 tấn/năm, năm 2005 mỗi loại cây ăn trái đạt sản lượng 110.000 - 120.000 tấn/năm). Dù tổng đàn gia cầm chỉ còn khoảng 930.000 do bị dịch cúm trong 2 năm 2004 - 2005, nhưng giá trị sản xuất chăn nuôi không sụt giảm nhiều nhờ chủ động phát triển các vật nuôi khác như tổng đàn heo đạt khoảng 160.000 con, tăng bình quân 7,15%, đàn bò từ 460 con năm 2000 tăng lên 4.700 con năm 2005 (trong đó có 850 con bò sữa), đàn dê 4.200 con. Lâm nghiệp chủ yếu là trồng cây phân tán theo các tuyến giao thông, bảo vệ kênh, mương chống sạt lở và tăng độ che phủ cho đất. Thủy sản phát triển mạnh dưới nhiều hình thức như nuôi tôm, cá đồng trên ruộng, nuôi ao, nuôi cá bè thâm canh. Diện tích nuôi thủy sản tăng từ 7.100 ha năm 2000 lên 11.500 ha năm 2005, tăng bình quân 10,1%; sản lượng thủy sản tăng từ 15.687 tấn năm 2000 lên 70.000 tấn năm 2005, tăng bình quân 34,87%. Kinh tế nông thôn phát triển, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng, giảm dần sản xuất thuần nông; cơ sở hạ tầng nông thôn, nhất là đường giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, trường học, trạm xá, chợ, các cụm dân cư vượt lũ,... từng bước được đầu tư, đời sống nông dân được cải thiện, nhất là dân cư vùng lũ.

Do điều kiện cơ sở hạ tầng thấp, sản xuất còn mang tính nhỏ lẻ, manh mún, còn lúng túng trong phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, sự liên kết giữa "4 nhà" chưa chặt chẽ, nhất là mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nông dân nên hiệu quả sản xuất còn hạn chế; đồng thời, tình hình giá cả các loại vật tư, nguyên liệu đầu vào và hàng hóa nông, thủy sản đầu ra trên thị trường luôn gặp nhiều biến động bất lợi nên thu nhập và đời sống của nông dân còn gặp nhiều khó khăn.

*b) Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, giá trị sản xuất tăng bình quân 19,4% (mục tiêu tăng 18 - 19%, cả nước tăng bình quân 15,4%); trong đó, phân theo khu vực: kinh tế nhà nước tăng bình quân 4,2%, kinh tế ngoài nhà nước tăng bình quân 45,5% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 4,7%; phân theo ngành nghề: công nghiệp chế biến tăng bình quân 20,15%, công nghiệp khai thác giảm bình quân 9,4% (do giảm khối lượng khai thác cát trên sông Hậu) và công nghiệp sản xuất điện, nước, khí đốt giảm bình quân 10,84% (do nhà máy nhiệt điện phải sản xuất theo chỉ tiêu điều tiết của Trung ương). Giá trị tăng thêm công nghiệp tăng bình quân 17,9%, hầu hết hàng hóa xuất khẩu đều là sản phẩm công nghiệp*

chế biến. Qui mô, năng lực sản xuất, trình độ công nghệ, chất lượng sản phẩm được nâng lên; một số sản phẩm đã có vị trí cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa và đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu. Một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp được đầu tư nâng cấp và phát triển mạnh như chế biến thủy hải sản, xay xát chế biến gạo, rau quả, nắm đóng hộp, bia, nước giải khát, may mặc, da giày, đóng tàu, chế biến đồ gỗ, tân dược, thuốc sát trùng dùng trong nông nghiệp,...; tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu, phụ tùng thiết bị chế tạo trong nước ngày càng tăng; lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất sản phẩm mới ngày càng được chú trọng và có xu hướng phát triển.

Trên địa bàn thành phố hiện có 4 khu công nghiệp tập trung (Trà Nóc I, II, Hưng Phú I, II) với tổng diện tích 876 ha, trong đó đất công nghiệp 540,56 ha, vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ước đến cuối năm 2005 khoảng 250 tỷ đồng. Trong đó, khu công nghiệp Trà Nóc I đã đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp đã thuê lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp (108 ha); khu công nghiệp Trà Nóc II diện tích cho thuê 81ha, đạt 89,8% diện tích đất công nghiệp; khu công nghiệp Hưng Phú I và II đã cho thuê 110,55 ha, đạt 29,5% diện tích đất công nghiệp, đang làm thủ tục thay đổi chủ đầu tư để tăng vốn xây dựng hạ tầng. Các khu công nghiệp tập trung đã thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, trong đó có nhiều doanh nghiệp có công nghệ hiện đại, góp phần quan trọng vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng giá trị xuất khẩu. Từ năm 2001 đến tháng 8/2005 các khu công nghiệp tập trung đã thu hút 86 dự án, vốn đăng ký đầu tư 268,92 triệu USD, vốn thực hiện đầu tư 78,18 triệu USD, thu hút 11.100 lao động; nâng tổng số dự án trong các khu công nghiệp của thành phố lên 128 dự án còn hiệu lực, tổng số vốn đăng ký đầu tư 388,646 triệu USD, vốn thực hiện 168,177 triệu USD, chiếm 43,3% vốn đăng ký, thu hút 17.712 lao động (có hơn 3500 lao động thời vụ). Các trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở các quận, huyện tuy mới được triển khai nhưng đã thu hút trên 40 doanh nghiệp vừa và nhỏ đăng ký thuê đất; đặc biệt trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thốt Nốt đã được các doanh nghiệp đăng ký thuê toàn bộ diện tích đất công nghiệp giai đoạn I, II (35,74ha), đang triển khai đầu tư giai đoạn III (49,3 ha), trong đó có 28,8 ha đất công nghiệp đã thông qua quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) và xin chủ trương nâng cấp, mở rộng toàn bộ thành khu công nghiệp tập trung do thành phố quản lý, hoạt động theo Nghị định 36 của Chính phủ về qui chế các khu chế xuất và khu công nghiệp.

Ngành xây dựng phát triển nhanh cùng với quá trình đô thị hóa; giá trị sản xuất tăng bình quân 18,5%, giá trị tăng thêm tăng bình quân 17,9%, tỷ trọng giá trị xây dựng trong GDP tăng từ 4,7% năm 2000 lên 5,85% năm 2005; có nhiều tiên bộ trong các lĩnh vực xây dựng công trình, khu dân cư đô thị và cụm dân cư vùng lũ, trong đó có những công trình qui mô lớn, đòi hỏi chất lượng cao.

Khu vực công nghiệp tuy đạt tốc độ tăng trưởng cao, nhưng nhìn chung hiệu quả còn thấp, tỷ trọng giá trị tăng thêm/giá trị sản xuất có xu hướng giảm từ 33% năm 2000 xuống còn 30,9% năm 2005, năng lực cạnh tranh hạn chế do nhiều cơ sở sản xuất qui mô nhỏ, thiết bị giản đơn, công nghệ chậm đổi mới, chất lượng sản phẩm chưa cao - nhất là khu vực dân doanh; hầu hết các doanh nghiệp chưa tạo dựng được thương hiệu, chưa nắm bắt kịp thời thông tin khoa học kỹ thuật, thị trường. Chương trình khuyến công chưa đủ mạnh, chính sách ưu đãi đầu tư tuy được điều chỉnh, bổ sung theo hướng thông thoáng nhưng chưa phát huy đầy đủ tác dụng để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn. Hoạt động xúc tiến đầu tư còn yếu. Trình độ chuyên môn, kỹ thuật của phần lớn lực lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu. Việc chuẩn bị và tiềm năng hội nhập quốc tế của doanh nghiệp chưa đạt yêu cầu đề ra.

*c) Thương mại - dịch vụ phát triển mạnh*, có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của sản xuất kinh doanh và đời sống, giá trị sản xuất tăng bình quân 14,48%, giá trị tăng thêm tăng bình quân 13,73%.

Xúc tiến thông tin thương mại có tiến bộ, khối lượng hàng hóa lưu thông liên tục tăng với tốc độ cao, tổng mức hàng hóa bán ra tăng bình quân 17,5%, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 17,36%; các kỳ hội chợ - triển lãm thường niên thu hút nhiều doanh nghiệp và người tiêu dùng tham gia; phương thức kinh doanh ngày càng đa dạng, mạng lưới kinh doanh được mở rộng ở cả thành thị và nông thôn, nhiều công trình thương mại quan trọng được đầu tư xây dựng góp phần tăng thêm năng lực bán buôn, bán lẻ hàng hóa trên địa bàn.

Ngành du lịch có bước phát triển nhanh, trong 5 năm đón 1.777,5 ngàn lượt khách, tăng bình quân 16,44%, trong đó khách quốc tế tăng bình quân 14,65%, chiếm tỷ lệ 24,1%, khách trong nước tăng bình quân 17,07%, chiếm tỷ lệ 75,9% tổng lượt khách. Doanh thu du lịch tăng bình quân 23,6%; du lịch lữ hành tăng khá. Các dự án đầu tư phát triển du lịch như dự án cồn Cái Khế, cồn Khương, cù lao Tân Lộc, vườn cò Bằng Lăng, làng cổ Bình Thủy đang được xúc tiến triển khai; hệ thống nhà hàng, khách sạn được đầu tư nâng cấp; chất lượng phục vụ tăng lên. Nhìn chung, thị trường du lịch bước đầu phát triển với nhiều loại hình phong phú, cơ sở hạ tầng

du lịch được cải thiện, liên kết giữa du lịch với vận tải và các lĩnh vực khác được tăng cường, tạo tiền đề phát triển tích cực cho những năm 2006 - 2010.

Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách phát triển khá, đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa và đi lại của nhân dân bằng nhiều phương tiện và phương thức thuận lợi; khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng bình quân 6,15%, luân chuyển tăng bình quân 7,25%; vận chuyển hành khách tăng bình quân 8,36%, luân chuyển tăng bình quân 9,68%.

Dịch vụ bưu chính - viễn thông phát triển nhanh và đa dạng, mạng lưới viễn thông cơ bản được hiện đại hóa. Trong 5 năm, phát triển mới được 118.686 máy điện thoại, nâng tổng số lên 172.105 máy; mật độ máy điện thoại/100 dân tăng từ 4,95 máy năm 2000 lên 15,08 máy năm 2005; thuê bao Internet trên mạng từ 823 thuê bao năm 2000 lên 9.865 thuê bao năm 2005, tăng bình quân 64,34%. Tổng doanh thu tăng bình quân 26,36%.

Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, tư vấn pháp luật, khoa học - kỹ thuật và công nghệ, y tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao có bước phát triển khá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Nhìn chung, hoạt động thương mại - dịch vụ của thành phố đang phát triển tích cực theo hướng đa dạng hóa loại hình, hướng tới những ngành dịch vụ có giá trị lớn, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả.

**3.2. Các cân đối chủ yếu trong nền kinh tế được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng của nền kinh tế:**

a) *Tích lũy - tiêu dùng:* quan hệ tích lũy - tiêu dùng bảo đảm vừa đẩy mạnh đầu tư phát triển, vừa nâng cao đời sống nhân dân. Quỹ tiêu dùng tăng bình quân 16,2% (thời kỳ 1996 - 2000 tăng 3,52%), chiếm khoảng 65,6% - 73,6% GDP; quỹ tiết kiệm tăng bình quân 10%, chiếm khoảng 18 - 20% GDP; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao.

b) *Tài chính và ngân sách địa phương:* tài chính và ngân sách địa phương lành mạnh, bảo đảm ổn định nền kinh tế, khai thác tốt hơn các nguồn lực. Tổng thu ngân sách tăng bình quân 14,57%, tốc độ tăng thu nội địa cao hơn tốc độ tăng chi (23,26% so với 16,54%); tốc độ tăng chi đầu tư phát triển cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên (28,3% so với 8,15%); tỷ lệ chi đầu tư xây dựng cơ bản tăng, tỷ lệ chi thường xuyên giảm dần trong tổng chi ngân sách địa phương; bảo đảm kịp thời chi tiền lương, các khoản chi có tính chất lương và chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị theo dự toán được duyệt; bảo đảm chi xây dựng cơ bản kịp thời theo tiến độ hoàn thành các công trình.

Trong 5 năm qua, nhiều cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân sách tiếp tục được hoàn thiện, chính sách động viên tài chính được đổi mới, đặc biệt là đối với các nguồn tài chính trong khu vực dân cư, trong các thành phần kinh tế trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức, công cụ huy động theo nguyên tắc thị trường; các loại thuế quan trọng như thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, thu nhập doanh nghiệp,... được triển khai thực hiện trong thực tế theo hướng đơn giản hóa thủ tục nộp thuế, tăng cường tính tự giác của người nộp thuế, đồng thời tạo điều kiện để kiểm tra, kiểm soát, chống thất thu và gian lận thuế, qua đó các nguồn thu đều được cải thiện, đặc biệt là nguồn thu liên quan đến nhà đất.

Phân cấp mạnh cho quận, huyện, xã, phường thực hiện quản lý, thu thuế đối với các đối tượng chịu thuế trên địa bàn; ban hành qui chế đấu thầu, khung qui định về thu phí, lệ phí; khuyến khích cơ sở khai thác tốt các nguồn thu. Thực hiện khá tốt việc khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan hành chính, tăng số lượng các đơn vị sự nghiệp tự cân đối kinh phí hoạt động; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả công vụ.

c) *Cân đối tiền tệ:* vốn huy động năm 2005 cao gấp 3 lần năm 2000 (từ 1.534 tỷ đồng năm 2000 tăng lên 4.663 tỷ đồng năm 2005). Tổng dư nợ cho vay tăng bình quân 25,8%, trong đó dư nợ trung, dài hạn chiếm 30,4%, tăng bình quân 32,72%, dư nợ ngắn hạn chiếm 69,6%, tăng bình quân 23,3%. Tỷ lệ nợ xấu giảm dần còn dưới 2%.

d) *Huy động vốn đầu tư phát triển:* tăng dần qua từng năm. Tỷ lệ huy động vốn đầu tư/GDP của thành phố tăng từ 27,9% năm 2000 lên 55,4% năm 2005 (chỉ tiêu 29,5%). Tổng vốn đầu tư trong 5 năm 2001 - 2005 là 18.856,6 tỷ đồng. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư được điều hành theo hướng xóa dần bao cấp: tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách và có nguồn gốc từ ngân sách giảm dần từ 47,53% năm 2000 xuống còn 27,86% năm 2005, trong khi nguồn vốn đầu tư trong dân cư và các doanh nghiệp tăng dần, từ 42,86% năm 2000 lên 67,92% năm 2005. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chiếm 36,58%, vốn tín dụng chiếm 2,43%, vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước chiếm 7,55%, vốn đầu tư của dân cư và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm

50,48% và vốn đầu tư nước ngoài chiếm 2,96% tổng vốn đầu tư. Đầu tư trong dân đạt mức tăng bình quân trên 49%, chiếm trên 50% tổng vốn đầu tư và khoảng 80% mức tiết kiệm.

### **3.3. Các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển:**

Công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước được triển khai tích cực theo phương án phê duyệt. Dự kiến đến hết năm 2005, có 54 doanh nghiệp được sắp xếp, trong đó: 40 doanh nghiệp được cổ phần hóa, 14 doanh nghiệp được tổ chức lại dưới nhiều hình thức phù hợp. Sau khi sắp xếp, qui mô, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước tăng lên; nhiều doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế, từng bước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thành phố.

Kinh tế tập thể phát triển khá về số lượng, từng bước được nâng lên về chất lượng. Toàn thành phố hiện có 151 hợp tác xã (trong đó có 2 liên hiệp hợp tác xã), vốn điều lệ 118,7 tỷ đồng, thu hút 7.154 xã viên, giải quyết việc làm cho gần 13.000 lao động.

Trong 5 năm thực hiện Luật doanh nghiệp, có 2.404 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 2.965,8 tỷ đồng, gấp 1,24 lần về số lượng doanh nghiệp và gấp 4,73 lần về số vốn đăng ký so với thời kỳ 10 năm 1991-1999. Trên địa bàn thành phố hiện có 3.144 doanh nghiệp ngoài quốc doanh được cấp đăng ký kinh doanh (có 602 đơn vị kinh tế phụ thuộc) với tổng vốn đăng ký là 3.819,8 tỷ đồng, gồm 1.674 doanh nghiệp tư nhân, vốn đăng ký 883,8 tỷ đồng, 749 công ty TNHH, vốn đăng ký 1.907,8 tỷ đồng và 118 công ty cổ phần, vốn đăng ký 1.027,9 tỷ đồng. Nhìn chung, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có bước phát triển đáng kể, có những đóng góp nhiều mặt và từng bước được nhìn nhận như động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế thành phố. Ngoài ra, 41.368 hộ kinh doanh cá thể là lực lượng có những đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của nền kinh tế thành phố.

### **3.4. Kinh tế đối ngoại:**

#### **a) Xuất nhập khẩu:**

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ thu ngoại tệ ước thực hiện 5 năm đạt 1.300 triệu USD, tăng bình quân 18,36%; trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 1.231,3 triệu USD, tăng bình quân 17,6%. Năm năm qua, các doanh nghiệp đã mở thêm được khá nhiều thị trường mới, giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường châu Á, tăng nhanh xuất khẩu vào thị trường châu Âu, châu Mỹ. Các nhóm hàng xuất khẩu đều có tốc độ tăng trưởng khá, nhất là nhóm hàng thủy hải sản chế biến. Cụ thể: nhóm hàng thủy hải sản tăng bình quân 44,7%, nhóm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 11,45%, nhóm hàng nông lâm sản tăng bình quân 4,5%, các nhóm hàng hóa khác tăng bình quân 32,3%. Cơ cấu giá trị xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng nhóm hàng thủy sản và công nghiệp. Dịch vụ thu ngoại tệ ước thực hiện 5 năm đạt 68,652 triệu USD, tăng bình quân 34%. Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện 5 năm đạt 873,2 triệu USD, tăng bình quân 24,67%, bảo đảm nguyên tắc phục vụ cho phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa.

#### **b) Thu hút đầu tư nước ngoài:**

Do điều kiện giao thông, môi trường đầu tư chưa thật sự hấp dẫn nên kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn thấp. Từ kết quả 4 năm 2001 - 2004 và dự kiến đến cuối năm 2005, ước cấp mới giấy phép cho 25 dự án, vốn đăng ký 101,738 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn cho 11 dự án, vốn điều chỉnh tăng thêm 15,6 triệu USD; thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch, kho hàng cho 50 đơn vị, vốn thực hiện 35,234 triệu USD. Tính đến nay, trên địa bàn thành phố có 36 giấy phép đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư đăng ký 140,035 triệu USD, vốn thực hiện 75,2 triệu USD, chiếm 53,7% vốn đăng ký đầu tư; trong đó, có 16 dự án đang hoạt động, 20 dự án đang trong quá trình triển khai sau giấy phép, 81 chi nhánh, văn phòng giao dịch, cửa hàng trưng bày và kho trung chuyển. Doanh thu 5 năm ước đạt 424,637 triệu USD, xuất khẩu 172,5 triệu USD, chiếm 40,6% doanh thu; nộp ngân sách 19,5 triệu USD.

Thu hút vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) không nhiều, ước thực hiện vốn ODA 19,4 triệu USD; tiếp nhận vốn NGO 10,875 triệu USD. Một số công trình đầu tư bằng nguồn vốn ODA và NGO đã hoàn thành, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, nâng cấp đô thị, cải thiện đời sống người dân, nhất là người nghèo.

### **3.5. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:**

Năm năm qua, nhiều cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư xây dựng hoàn thành, đặc biệt là các cụm dân cư vượt lũ; triển khai xây dựng các khu đô thị mới đi đôi với cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các khu đô thị hiện tại theo quy hoạch; hạ tầng đô thị được coi trọng, cảnh quan, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường có nhiều chuyển biến tích cực.

a) *Cơ sở hạ tầng kinh tế*: hoàn thành 1.012,6 km điện trung thế và 2.283,5 km điện hạ thế, tổng dung lượng 290.000 KVA; nâng cấp nhà máy nhiệt điện Trà Nóc 183,5 MW; nạo vét 75km hệ thống kênh mương cấp 2, khép kín và chủ động tưới tiêu cho thêm 55.000 - 60.000 ha đất canh tác; xây dựng và nâng cấp tổng cộng 150 km đường; mở rộng năng lực cảng Cần Thơ lên 1,2 triệu tấn/năm; sản xuất xi măng 1 triệu tấn/năm; thép 120.000 tấn/năm; chế biến thủy hải sản 45.000 tấn/năm; chế biến gạo xuất khẩu 800.000 tấn/năm; bao bì PP 56 triệu sản phẩm/năm; giày da cao cấp xuất khẩu 500.000 sản phẩm/năm; may mặc xuất khẩu 7 triệu sản phẩm/năm; phân bón NPK 150.000 tấn/năm; nước giải khát 10 triệu lít/năm; bia 28 triệu lít/năm; cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp Trà Nóc I, II, trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thốt Nốt (giai đoạn I); trung tâm thương mại Cái Khế; các siêu thị CitiMart, Sài Gòn CoopMart, Metro Cash & Carry,...; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hưng Phú I, II, trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thốt Nốt (giai đoạn II, III) và các khu dân cư đô thị, siêu thị sách, siêu thị thời trang...

b) *Cơ sở hạ tầng xã hội*: nhà máy nước Cần Thơ 2: 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cung cấp nước sạch nông thôn 15.379 m<sup>3</sup>/năm; xây dựng nhà ở các cụm dân cư vùng lũ: 1.321 căn; hoàn thành 761 phòng học kiên cố và bán kiên cố; 88 chợ nông thôn và đô thị; Bảo tàng thành phố, Trung tâm Văn hóa thành phố (nhà biểu diễn); Nhà thi đấu đa năng; Bệnh viện Đa khoa Cần Thơ 700 giường, Bệnh viện Tây Đô 200 giường và chuẩn bị thủ tục triển khai Bệnh viện Triều An (2) 1.000 giường Bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long 500 giường; Liên doanh truyền hình cáp Tây Đô, truyền hình qua vệ tinh của Đài THVN.

### 3.6. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

a) *Giáo dục - đào tạo*: chuyển biến tích cực, được tăng cường đầu tư, phát triển cả về qui mô và chất lượng; chủ trương xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh và phát triển đúng hướng. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em tại các trường mầm non tốt hơn, tỷ lệ thu hút trẻ vào nhà trẻ, mẫu giáo tăng đáng kể; tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt trên 98%; hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2004; chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông được nâng lên, tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm dần, còn khoảng 1,6%. Các kỳ thi tốt nghiệp cuối cấp được tổ chức nghiêm túc, tỷ lệ tốt nghiệp nâng dần. Giáo dục hướng nghiệp, chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, hoạt động đoàn thể trong nhà trường được quan tâm và có tiến bộ, giải quyết kịp thời yêu cầu bổ sung giáo viên cho các trường còn thiếu. Quy mô đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề tiếp tục tăng, số sinh viên cao đẳng, đại học tăng bình quân 0,7%; số sinh viên cao đẳng, đại học thuộc các trường do thành phố quản lý tăng bình quân 6,8%; học sinh trung học chuyên nghiệp tăng bình quân 14,47%; đào tạo sau đại học tăng từ 127 người năm 2000 lên 360 người năm 2005.

Cơ sở vật chất của ngành đã được cải thiện, vốn đầu tư cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo được tăng lên hàng năm. Ngoài nguồn vốn ngân sách đầu tư, đã huy động thêm nhiều nguồn vốn khác, đặc biệt là nguồn vốn chương trình xây dựng trường học cho các xã anh hùng, nguồn vốn công trái thực hiện chương trình kiên cố hóa trường học, lớp học, dự án Phát triển giáo dục trung học cơ sở (ADB) đã góp phần tích cực hoàn thiện cơ sở vật chất cho ngành.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì kết quả giáo dục - đào tạo còn một số mặt hạn chế; cơ cấu đào tạo chưa hợp lý và chậm được điều chỉnh; đào tạo nghề chưa theo kịp yêu cầu; mặt bằng giáo dục ở vùng nông thôn còn chênh lệch khá xa so với khu vực thành thị; chất lượng giáo dục ngoài công lập chưa tốt; kết quả xã hội hóa giáo dục còn thấp so với yêu cầu đề ra; hệ thống trường, lớp học chưa bảo đảm đạt chuẩn quốc gia và phục vụ việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nhất là ở một số quận, huyện mới chia tách.

b) *Khoa học và công nghệ*: trọng tâm là nghiên cứu ứng dụng giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; điều tra và cung cấp tư liệu, luận cứ khoa học cho hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nguồn lực khoa học, công nghệ phát triển; thị trường khoa học công nghệ từng bước hình thành. Công tác quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm và sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp có nhiều tiến bộ. Công tác bảo vệ tài nguyên môi trường được chú trọng. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh bước đầu phát huy tác dụng.

Hợp tác quốc tế, hợp tác với các tỉnh trong vùng ĐBSCL, thành phố Hồ Chí Minh về khoa học công nghệ có bước phát triển, đi vào chiều sâu. Thành lập các Hội đồng khoa học công nghệ, qui tụ nhiều nhà khoa học tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo thành phố, lãnh đạo ngành về định hướng phát triển trên nhiều lĩnh vực.

Bên cạnh những tiến bộ đạt được, nhìn chung trình độ công nghệ của các ngành, nhất là công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn hạn chế về trình độ, chưa hợp lý về cơ cấu. Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị cho nghiên cứu còn thiếu và chưa đồng bộ. Chưa hình thành được các phòng thí nghiệm mang tính khu vực và quốc gia.

Chuyển giao công nghệ chưa gắn chặt với đầu tư; cơ chế quản lý khoa học công nghệ chậm đổi mới.

c) *Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*: có nhiều cải thiện, đặc biệt với các đối tượng chính sách, người nghèo và trẻ em. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp, 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế, số giường bệnh/vạn dân tăng từ 14,27 giường năm 2000 lên 16,21 giường năm 2005, số bác sĩ/vạn dân tăng từ 4,33 bác sĩ năm 2000 lên 6,06 bác sĩ năm 2005. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư tốt hơn, từng bước tiếp cận kỹ thuật hiện đại, có quỹ thuốc thiết yếu dự phòng cho nhu cầu khám chữa bệnh. Triển khai Chương trình y tế quốc gia đạt kết quả tốt, tỷ lệ mắc và chết do 6 bệnh truyền nhiễm ở trẻ em giảm rõ rệt, tỷ lệ người mắc bệnh xã hội giảm còn 1,9‰; y đức và tay nghề của đội ngũ cán bộ ngành y có tiến bộ. Hệ thống cung cấp các dịch vụ y tế được mở rộng, tỷ lệ người bệnh được chăm sóc y tế tăng lên. Các cơ sở y tế tư nhân phát triển nhanh. Công tác chăm sóc và bảo vệ bà mẹ - trẻ em đạt kết quả khá, duy trì mức giảm sinh 0,2‰, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh giảm từ 5,6‰ năm 2000 xuống còn 2,5‰ năm 2005, tỷ lệ tử vong mẹ có liên quan đến sinh sản từ 8,4/10.000 năm 2000 giảm xuống còn 6/10.000 năm 2005, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng từ 28,5% năm 2000 giảm xuống còn 23,3% năm 2005.

Tuy nhiên, hoạt động y tế vẫn còn một số mặt hạn chế. Công tác khám chữa bệnh, thu viện phí và bảo hiểm y tế còn nhiều thiếu sót, chưa công bằng; mức độ tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế giữa người giàu và người nghèo chênh lệch khá cao; việc quản lý hoạt động khu vực y - dược tư nhân chưa chặt chẽ; vấn đề xã hội hóa y tế, huy động nguồn đầu tư từ cộng đồng và xã hội cho hoạt động y tế còn hạn chế. Hoạt động y tế cộng đồng còn lúng túng, chưa có chế độ chính sách cho đội ngũ tình nguyện nên chưa bảo đảm cho hoạt động. Chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ y tế chưa phù hợp.

d) *Lĩnh vực văn hóa thông tin và thể dục thể thao*: có nhiều hoạt động sôi nổi.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, nếp sống văn minh, trật tự kỷ cương đô thị có nhiều tiến bộ. Đã công nhận 21 đơn vị xã, phường, nông trường văn hoá, 73,93% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa. Chất lượng áp, khu phố, xã, phường văn hoá được củng cố và nâng lên, Xây dựng các thiết chế văn hóa thông tin ở cơ sở, các phòng truyền thống ở các xã vùng sâu. Tổ chức nhiều hình thức, hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương và các ngày lễ lớn. Củng cố lực lượng biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp; phát triển phong trào đờn ca tài tử. Hoạt động của các thư viện - phòng đọc sách, bảo tàng, nhà truyền thống, khu di tích,... được nâng lên một bước, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tham quan, nghiên cứu của nhân dân. Thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động, dịch vụ văn hóa, góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, từng bước lành mạnh hóa các dịch vụ văn hóa.

Hoạt động báo chí, phát thanh - truyền hình tập trung tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh thực tế các hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Tăng thời lượng các chương trình phục vụ nhu cầu giải trí của nhân dân. Quan tâm đổi mới, bổ sung trang thiết bị chuyên dùng, đầu tư mới truyền hình cáp Tây Đô.

Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh. Số người luyện tập thường xuyên chiếm tỷ lệ 19% dân số. Công tác giáo dục thể chất trong trường học được tăng cường. Đăng cai tổ chức nhiều giải thể thao cấp vùng, quốc gia; cử vận động viên tham dự các giải khu vực, quốc gia, quốc tế với nhiều bộ môn và đạt nhiều thành tích tốt. Quan tâm công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu ban đầu ở các câu lạc bộ, trường học.

e) *Về việc làm và xóa đói giảm nghèo*: tiến hành nhiều biện pháp tạo cơ hội tìm việc làm đi đôi với đào tạo nghề, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại lực lượng lao động; khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, cung ứng lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp. Thực hiện chương trình đào tạo một số nghề cho lao động nông thôn để tự tạo việc làm. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm: trong 5 năm, giải quyết việc làm cho 125.527 lao động; xuất khẩu lao động 996 người. Đào tạo nghề 109.906 lao động; đến năm 2005 tỷ lệ lao động được đào tạo 22,65%, đào tạo nghề 16,6%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn 82%; tỷ lệ lao động thất nghiệp còn 5,53%. Tạo cơ hội và điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Các ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt các giải pháp xóa đói giảm nghèo như tạo điều kiện về vốn, lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, động viên mọi người, xã hội tham gia xóa đói giảm nghèo; thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, kéo điện đến nhà hộ nghèo, hộ gia đình chính sách... Trong 5 năm, có 18.400 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 9,64% năm 2000 xuống còn 1% năm 2005 (theo tiêu chí cũ) và theo tiêu chí mới còn 8,30%. Triển khai thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách, chế độ đối với người có công theo quy định; kết hợp với chính quyền, địa phương, đoàn thể chăm lo đời sống, sức khỏe cho người có công. Công tác cứu trợ, trợ cấp xã hội được quan tâm thường xuyên.

**3.7. Về cải cách hành chính:**

Công tác cải cách hành chính đã bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Đến nay, đã có 23/26 Sở, Ban, ngành và 08/08 quận huyện được UBND thành phố phê duyệt Đề án Cải cách thủ tục hành chính. Đối với cấp xã, hiện có 67/67 đơn vị xã, phường, thị trấn thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa". Tiến hành trang bị cơ sở vật chất cho "Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả" của 14 đơn vị Sở, Ban, ngành thành phố và 08/08 UBND quận, huyện. Đã có 24/26 Sở, Ban, ngành thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức (02 cơ quan là Thanh tra thành phố và Sở Ngoại vụ đang chờ Thông tư hướng dẫn). Sau thời gian đầu chia tách tỉnh, đến nay tình hình đội ngũ cán bộ công chức đã tương đối ổn định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức được đặc biệt quan tâm. Với sự nỗ lực của các ngành, các cấp trong thành phố, thời gian qua đã cử 2.516 cán bộ công chức đi đào tạo, trong đó có 56 trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học trong nước và 07 trường hợp đào tạo ở nước ngoài. Đội ngũ cán bộ được bố trí phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ và bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Đã có 24/26 sở và 4/8 quận, huyện thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; còn 02 sở là Sở Ngoại vụ và Sở Bưu chính Viễn thông do mới thành lập nên chưa tổ chức thực hiện và 04 quận, huyện còn lại là quận Cái Răng, Ô Môn, huyện Phong Điền, Cờ Đỏ hiện đang trong giai đoạn xúc tiến xây dựng đề án. Nhìn chung, công tác cải cách hành chính thành phố đã đạt những thành tích đáng khích lệ, góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình vận hành của nền kinh tế và ổn định xã hội.

Bên cạnh kết quả tích cực đã đạt được, công tác cải cách hành chính vẫn còn những hạn chế nhất định. Lĩnh vực cải cách thể chế, thủ tục hành chính vẫn còn nhiều vướng mắc, thiếu đồng bộ. Nhận thức của một bộ phận CBCCC về cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" ở giai đoạn đầu còn chưa cao và chưa đồng nhất nên đã làm hạn chế đến tiến độ thực hiện ở một số đơn vị. Khi triển khai CCHC, không ít cơ quan, đơn vị, còn nể nang, sợ đụng chạm đến lợi ích cục bộ của đơn vị nên sức ỳ trong phong cách làm việc còn lớn, ảnh hưởng đến kết quả chung của công cuộc CCHC.

**3.8. Về quốc phòng và an ninh:**

Nhiệm vụ củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh trên địa bàn được thực hiện theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh. Tập trung xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân chính qui, từng bước hiện đại, vững vàng về chính trị. Xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các ngành chức năng tham mưu cho Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng quy hoạch đô thị, phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Hội đồng giáo dục quốc phòng các cấp được củng cố, công tác giáo dục quốc phòng được chú trọng, xây dựng qui chế, kế hoạch giáo dục quốc phòng hàng năm. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 1,7% dân số, tổ chức lực lượng thường trực theo biên chế đạt tỷ lệ 71%. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu pháp lệnh.

Công tác trật tự, trị an được bảo đảm, giữ vững ổn định chính trị, chủ động nắm tình hình địch và các đối tượng có liên quan, duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tăng cường kiểm tra, tấn công các loại tội phạm. Tình hình an ninh nông thôn, an ninh đô thị trên địa bàn tương đối ổn định, an toàn giao thông từng bước được cải thiện.

**4. Những mặt hạn chế, tồn tại:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ còn nhiều hạn chế và tồn tại, đó là:

**4.1. Mặc dù nền kinh tế liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao nhưng những thành tựu đạt được 5 năm qua vẫn chưa phát huy đúng thế mạnh của thành phố, chưa thể hiện được đầy đủ vai trò của một thành phố trung tâm, động lực phát triển vùng, chất lượng tăng trưởng chưa cao, thiếu vững chắc, thể hiện ở các mặt sau:**

- Về kinh tế: qui mô nền kinh tế còn nhỏ, trình độ công nghiệp hóa, đô thị hóa còn ở mức thấp. Sức cạnh tranh của sản phẩm và của cả nền kinh tế nhìn chung còn hạn chế, một số mặt yếu kém. Thu hút đầu tư yếu, đặc biệt đối với đầu tư nước ngoài. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu xuất khẩu còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh phát triển.

- Về mặt xã hội: tuy thu nhập dân cư có tăng lên nhưng số đông nhân dân lao động vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập dân cư chưa vượt ngưỡng nghèo theo chuẩn quốc tế Chênh lệch

thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo có xu hướng tăng lên rõ rệt. Tệ nạn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp

- Về mặt quản lý: trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, quản lý đất đai còn một số lĩnh vực vướng mắc, hạn chế. Việc triển khai một số công trình trọng điểm trên địa bàn còn chậm. Chưa có các giải pháp hiệu quả trong giải quyết vấn đề môi trường.

**4.2. Cân đối vốn đầu tư, cân đối ngân sách còn hạn hẹp.** Tiềm năng vốn từ nội bộ nền kinh tế, vốn bên ngoài chưa được khai thác tốt. Nguồn thu ngân sách nhà nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu chi xây dựng cơ bản và các mục tiêu phát triển xã hội.

**4.3. Chính sách, môi trường đầu tư chưa đủ sức thu hút mạnh mẽ các nguồn lực cho đầu tư phát triển.** Nhằm quyết tâm cải thiện một bước môi trường đầu tư, thành phố đã vận dụng ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhưng vẫn chưa đủ tính hấp dẫn để thu hút mạnh các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài do kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu và chưa đồng bộ; đặc biệt hệ thống cầu đường, cảng, sân bay chậm được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.

**4.4. Về xã hội,** đời sống dân cư ở nông thôn, vùng thường bị ngập lụt, đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn nhiều khó khăn; tốc độ phân hóa giàu nghèo đang diễn ra khá nhanh; vấn đề việc làm, xóa đói giảm nghèo tuy được giải quyết tích cực, nhưng chưa thật sự vững chắc.

## Phần thứ hai

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

5 NĂM 2006 – 2010

#### I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC:

Bước vào kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, trong bối cảnh hội nhập toàn diện về kinh tế, tình hình quốc tế và trong nước sẽ có những tác động mạnh mẽ đến khả năng, tốc độ, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; bên cạnh những thuận lợi cơ bản vẫn còn nhiều khó khăn ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

##### 1. Bối cảnh quốc tế:

Về toàn cục, dù xu hướng chung của thế giới hiện nay vẫn là hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển, nhưng dự báo tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp; các thế lực phản động quốc tế tiếp tục tìm cách chống phá cách mạng gây mất ổn định chính trị - xã hội ở nước ta.

Về kinh tế, dự báo xu hướng chung là nền kinh tế thế giới sẽ tiếp tục phục hồi và phát triển, thị trường quốc tế sẽ sôi động hơn. Trong 5 năm tới, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và các đối tác chính của nước ta sẽ tăng lên; các nguồn vốn đầu tư ODA, FDI và đầu tư gián tiếp vào nước ta sẽ phục hồi dần; việc nước ta gia nhập WTO cùng các nhân tố đó sẽ kết hợp tạo ra những cơ hội rất thuận lợi để nước ta tạo đà cất cánh. Tuy vậy, bối cảnh kinh tế quốc tế cũng đòi hỏi nước ta phải nhanh chóng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, chủ động tránh được những khó khăn từ quá trình phân công lại lao động quốc tế và tổ chức lại nền kinh tế thế giới.

##### 2. Bối cảnh trong nước:

Sự nghiệp và kết quả công cuộc đổi mới ở nước ta đã được thế giới thừa nhận và đánh giá cao, đặc biệt là những giá trị có được từ sự ổn định về chính trị - xã hội. Đây là nền tảng vững chắc và là nhân tố thuận lợi nhất cho sự phát triển kinh tế-xã hội của nước ta. Thể chế kinh tế thị trường đã bước đầu hình thành và vận hành, đi vào cuộc sống, phát huy tính tích cực và hiệu quả. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực. Năng lực và trình độ sản xuất tăng lên đáng kể. Chất lượng tăng trưởng của nhiều ngành, lĩnh vực được cải thiện. Các doanh nghiệp ngày càng thích nghi tốt hơn với thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, khó khăn và thách thức cũng rất lớn. Quy mô sản xuất nhỏ, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Cơ cấu sản xuất chậm thích nghi với những biến động của thị trường trong nước và quốc tế. Trình độ công nghệ nhìn chung còn thấp, GDP bình quân đầu người thuộc nhóm các nước có thu nhập thấp nên không đủ tạo sức bật đối với sản xuất và phát triển thị trường. Lộ trình thực hiện đầy đủ các cam kết với AFTA, WTO và các hiệp định khu vực, quốc tế khác trong giai đoạn 2006 - 2010 đang và sẽ tạo sức ép cạnh tranh gay gắt, sống còn đối với các doanh nghiệp trong nước. Thiên tai và các dịch bệnh nguy hiểm có khả năng gây ra những tác động bất lợi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

### 3. Lợi thế và hạn chế của thành phố Cần Thơ khi bước vào kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 :

#### a) Lợi thế:

- Thành phố Cần Thơ là trung tâm trung chuyển, cửa ngõ giao lưu chính của vùng Tây Nam sông Hậu với vùng Tứ giác Long Xuyên, vùng Bắc sông Tiền và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; có khả năng vươn tầm ảnh hưởng đến các thành phố lớn khác của cả nước sau khi hoàn thành cầu Cần Thơ và mở rộng tầm giao thương với các nước trong khu vực và quốc tế sau khi nâng cấp sân bay Trà Nóc thành sân bay quốc tế, cải tạo luồng Định An cho tàu 10.000 - 20.000 tấn ra vào thuận lợi. Môi liên kết, sức lan tỏa của thành phố Cần Thơ với các tỉnh vùng ĐBSCL, thành phố Hồ Chí Minh, nhiều tỉnh, thành phố khác trong nước, một số quốc gia khác trong khu vực và thế giới ngày càng phát triển.

- Thành phố Cần Thơ có những nhân tố rất cơ bản để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong 5 năm qua khá cao so với bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động đang chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Tiến trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng và đang chuyển mình để trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Các chủ trương, chính sách và hệ thống thể chế hành chính của thành phố đã và đang được hoàn thiện, tạo môi trường pháp lý ngày càng thuận lợi để thu hút nhiều nhất các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước

- Nghị quyết 21-NQ/TW, Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với ĐBSCL nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng là những sự kiện trọng đại, tạo ra bước ngoặt quyết định, chỉ ra những vai trò nhiệm vụ hết sức nặng nề nhưng vẻ vang cho công cuộc xây dựng và phát triển thành phố.

#### b) Hạn chế:

- Nền kinh tế thành phố Cần Thơ có điểm xuất phát thấp, qui mô nhỏ. Khoảng cách về trình độ phát triển so với các thành phố trực thuộc TW còn khá lớn, đặc biệt về trình độ nguồn nhân lực và công nghệ.

- Cơ sở hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ, nhất là giao thông và hạ tầng đô thị. Một số công trình thiết yếu xuống cấp. Sân bay, cảng nước sâu, cầu Cần Thơ chưa hoàn thành trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, kinh doanh của thành phố.

- Vốn đầu tư của TW trên địa bàn còn thấp, đặc biệt là vốn đầu tư từ ngân sách nên chưa đủ sức khơi dậy tiềm năng của thành phố.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa xuất khẩu chưa ổn định, sức cạnh tranh một số sản phẩm chủ lực còn yếu; tỷ lệ chiếm lĩnh thị trường nội địa thấp.

## II. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 -2010:

Thực hiện Nghị quyết 45- NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Kế hoạch 10-KH/TU ngày 15/3/2005 của Ban Thường vụ Thành ủy lâm thời thành phố Cần Thơ về triển khai thực hiện Nghị quyết 45- NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 31/2005/NQ-HĐND ngày 14/7/2005 của HĐND thành phố tại kỳ họp thứ 4 (khoá VII) về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của thành phố Cần Thơ, UBND thành phố xây dựng mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của thành phố Cần Thơ như sau:

### 1. Mục tiêu:

Phần đầu xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trở thành *thành phố đồng bằng cấp quốc gia văn minh hiện đại, xanh, sạch, đẹp, xứng đáng là thành phố cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Kông; là trung tâm công nghiệp, trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch, trung tâm giáo dục- đào tạo và khoa học - công nghệ, trung tâm y tế và văn hóa, là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.*

Thành phố Cần Thơ phần đầu là *một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để trở thành đô thị loại I trước năm 2010 và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020, là một cực phát triển, đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng.*

### 2. Phương hướng:

2.1. Chủ động quy hoạch xây dựng thành phố theo hướng văn minh, hiện đại.

2.2. Tận dụng mọi thời cơ, khai thác, phát huy tối đa các tiềm lực, lợi thế để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế; chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao.

2.3. Huy động các nguồn lực, trong đó đầu tư từ ngân sách được ưu tiên để phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội và kiến thiết đô thị. Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông thông suốt, chú trọng phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, phối hợp đẩy nhanh tiến độ mở rộng, nâng cấp sân bay Trà Nóc thành sân bay quốc tế, xây dựng cụm cảng Cần Thơ trở thành cảng trung tâm của vùng; nâng cấp mạng lưới điện, thông tin liên lạc, hạ tầng đô thị, hạ tầng các khu công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, đạt tiêu chuẩn một thành phố văn minh, hiện đại, mang đặc trưng của vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long.

2.4. Chăm lo phát triển con người một cách toàn diện. Đến năm 2010, phấn đấu đuổi kịp các thành phố lớn trong nước về chỉ số phát triển con người (HDI); tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ công chức, công nhân lao động.

2.5. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế- xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

2.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính, chống quan liêu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

### **3. Các chỉ tiêu cụ thể thời kỳ 2006 - 2010:**

(1). Tăng trưởng kinh tế bình quân 15,5 - 16%; trong đó, khu vực I tăng bình quân 4,5 - 5%; khu vực II tăng bình quân 20,5 - 21%; khu vực III tăng bình quân 14,5 - 15%.

(2). Đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) 25 triệu đồng, theo giá so sánh năm 1994 là 13 triệu đồng, quy USD (theo tỷ giá so sánh) 1.150 - 1.200 USD; chỉ số HDI đạt 0,830.

(3). Cơ cấu kinh tế công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao. Đến năm 2010, tỷ trọng khu vực I: 10,6%, khu vực II: 45,2%, khu vực III: 44,2% GDP.

(4). Giá trị sản xuất (giá so sánh 94): nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4 - 4,5%; công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 21 - 21,5%; dịch vụ tăng bình quân 15 - 15,5%.

(5). Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ 5 năm: 3.486 triệu USD, tăng bình quân 22%; tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm: 1.870 - 2.000 triệu USD, tăng bình quân 19%.

(6). Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 17,91%; tỷ lệ huy động ngân sách/GDP bình quân đạt 17,3%. Trong đó, thu nội địa và hải quan tăng bình quân 18%/năm. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng bình quân 21,5%; chi đầu tư phát triển tăng bình quân 22,22%.

(7). Tổng vốn đầu tư trên địa bàn 5 năm 78.326 tỷ đồng. Trong đó, vốn đầu tư huy động từ nội bộ nền kinh tế 45.016 tỷ đồng, chiếm 36,5% GDP.

(8). Mức giảm sinh bình quân 0,3‰; dân số năm 2010 khoảng 1,3 - 1,4 triệu người.

(9). Trong 5 năm, giải quyết việc làm cho 200.000 - 210.000 lao động; xuất khẩu lao động 4.000 người. Đến năm 2010, tỷ lệ lao động thất nghiệp/tổng số lao động khoảng 3%; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn 85%. Cơ cấu lao động: khu vực I: 35%, khu vực II: 25%, khu vực III: 40% vào năm 2010.

(10). Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 4,5 - 5% (theo tiêu chí mới).

(11). Hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học. Đến năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo 36%, đào tạo nghề 30 - 31%; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi: nhà trẻ 12%, mẫu giáo 65% (trong đó trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo 95%), tiểu học 99,5%, trung học cơ sở 98%, trung học phổ thông 45,3%.

(12). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 20%.

(13). Các hộ dân cơ bản được cung cấp điện và nước sạch sinh hoạt.

(14). 100% các xã, phường đều có đường ô tô đến trung tâm.

(15). Số xã, phường văn hóa 50 đơn vị, chiếm 75% tổng số xã, phường; 88% hộ gia đình được công nhận hộ gia đình văn hóa.

(16). Số máy điện thoại/100 dân: 34,3 máy.

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC:****1. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp:****a) Công nghiệp:**

Là mũi đột phá trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế so sánh, tạo động lực phát triển là công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, cơ khí phục vụ nông nghiệp, hóa chất - dược phẩm, sản xuất vật liệu mới, điện - điện tử và tin học, công nghiệp đóng tàu, sửa chữa và lắp ráp ô tô, tiếp tục phát triển ngành may mặc và sản xuất hàng tiêu dùng; trong đó, trọng tâm là phát triển công nghiệp chế biến, ưu tiên lĩnh vực công nghệ cao, sạch, đầu tư chiều sâu và loại dần công nghệ lạc hậu. Hoàn thành cơ bản tuyến công nghiệp kéo dài theo sông Hậu từ Hưng Phú đến Thốt Nốt qui mô khoảng 2.700 ha; xây dựng các trung tâm (cụm) công nghiệp cho các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng để di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp không phù hợp với quy hoạch, gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thị; hình thành Khu công nghiệp kỹ thuật cao ở Ô Môn, Khu công nghiệp đồng đầu tư giữa các tỉnh trong vùng sau năm 2010; nâng cấp Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thốt Nốt (1,2 và 3) thành khu công nghiệp tập trung, tạo động lực mới cho phát triển công nghiệp.

Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 94) tăng bình quân 20,1%, giá trị tăng thêm, tăng bình quân 20,3%, đóng góp 37,5% GDP vào năm 2010.

Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, cần tập trung vào các giải pháp chủ yếu như sau:

- Thực hiện quy hoạch công nghiệp, đặc biệt chú ý đến không gian phát triển công nghiệp, xử lý chất thải, bảo vệ cảnh quan, môi trường;

- Nhanh chóng đổi mới công nghệ và trang thiết bị, mở rộng qui mô sản xuất, chế biến sản phẩm tinh, chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế, tăng thị phần thị trường nội địa và xuất khẩu. Thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực cơ khí cơ bản, cơ khí chính xác, chế tạo máy động lực, công nghiệp hóa chất, hóa dầu và dược phẩm, công nghiệp chế biến nông thủy sản chất lượng cao.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, quản lý chất lượng đạt các tiêu chuẩn quốc tế; đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; xây dựng và quảng bá thương hiệu. Xây dựng kế hoạch và bước đi phù hợp để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Quy hoạch vùng nguyên liệu chất lượng cao.

- Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp ngoài thành phố, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, Quận Khu IX, các Tổng công ty của TW, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp.

- Ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi như hỗ trợ lựa chọn đất đai, giải tỏa bồi thường, đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính. Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế, tìm cơ hội liên doanh, liên kết, tổ chức Hội chợ hàng công nghiệp chất lượng cao tại thành phố.

**b) Xây dựng:**

Tập trung chỉnh trang, sửa chữa và xây dựng mới các công trình công cộng, chủ yếu là xây dựng hệ thống đường giao thông, các khu dân cư mới, khu tái định cư và nhà ở cho người có thu nhập thấp; cơ sở hạ tầng các khu - trung tâm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp, thương mại - dịch vụ của địa phương; các cơ quan Đảng, chính quyền tại các quận, huyện mới. Xây dựng các khu dân cư theo các tuyến đường trục và đường vành đai chuẩn bị cho hướng mở rộng đô thị. Khuyến khích nhân dân chỉnh trang nhà ở và nâng tầng cao. Nhà ở dân cư nông thôn được quy hoạch theo tuyến giao thông và theo cụm có sự đầu tư cơ sở hạ tầng của nhà nước.

Giá trị sản xuất (giá so sánh 94) tăng bình quân 25,5%, giá trị tăng thêm tăng bình quân 23,4%; đóng góp 7,66% GDP vào năm 2010.

**2. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm thương mại - dịch vụ và du lịch:**

Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ của vùng, mở rộng giao lưu trong nước và quốc tế. Tăng nhanh khối lượng và đa dạng hóa sản phẩm thương mại, dịch vụ; ưu tiên đầu tư các dự án dịch vụ cao cấp, tỉ suất lợi nhuận cao. Tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Tăng kim ngạch xuất nhập khẩu; trong đó, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giá trị hàng hóa xuất khẩu, tăng tỉ trọng hàng chế biến tinh, giảm tỉ lệ sơ chế và xuất thô.

**a) Thương mại:**

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Hình thành trung tâm thông tin, thương mại điện tử. Khai thác tối đa thị trường nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu. Xây dựng Trung tâm thương mại cấp vùng, các trung tâm thương mại lớn tại Ninh Kiều, Cái Răng và Thốt Nốt, sàn giao dịch và chợ đầu mối gạo, thủy sản và rau quả. Đầu tư mới, nâng cấp hệ thống chợ, vừa nông - thủy sản, chợ bán sỉ, siêu thị Lộ Tè (Thốt Nốt). Phát triển hệ thống tổng đại lý, siêu thị, đại lý. Xây dựng và hoàn thiện các khu phố thương mại chuyên doanh, cửa hàng tự chọn tại trung tâm chợ quận, huyện.

Dự kiến tổng mức hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 22,4%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 26%.

**b) Du lịch:**

Đầu tư phát triển mạnh du lịch, đưa du lịch trở thành ngành có tốc độ tăng trưởng cao, chiếm tỉ trọng khá trong cơ cấu GDP. Phát triển du lịch thành phố theo hướng du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo. Hình thành các tuyến du lịch du khảo văn hóa, phát triển các tour du lịch liên vùng và du lịch quốc tế. Thực hiện một số cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khai thác đúng mức vị trí trung tâm trung chuyển khách của vùng.

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia khai thác du lịch. Đầu tư các khu du lịch có qui mô lớn, khu vui chơi giải trí tổng hợp, các điểm du lịch vệ tinh. Xây dựng hoàn chỉnh khu du lịch Cồn Cái Khế, khu du lịch sinh thái Cồn Ấu, Cồn Khương, Cồn Sơn, Cù lao Tân Lộc, Vườn cò Bằng Lăng. Hình thành tuyến du lịch du khảo Làng cổ Bình Thủy - Lộ vòng cung - Chợ nổi Cái Răng. Đầu tư mở rộng Bến Ninh Kiều, phố đi bộ tham quan Nhà lồng cổ chợ Cần Thơ và Bến tàu du lịch. Tu bổ và bảo tồn các điểm di tích lịch sử, di tích văn hóa. Tăng cường quảng bá "*Cần Thơ điểm đến lý tưởng, an toàn và thân thiện*", là nơi hội tụ "*văn minh sông nước Mekong*".

Trong khu vực nội thị sẽ tập trung nâng cấp và xây dựng một số khách sạn có qui mô lớn đạt tiêu chuẩn xếp hạng từ 3 sao trở lên, nhiều nhà hàng có khả năng phục vụ cùng lúc 500 khách trở lên, có đầy đủ các phương tiện vận chuyển, phương tiện thông tin hiện đại, các cửa hàng bán vật phẩm lưu niệm, đặc sản của Cần Thơ và ĐBSCL. Khu vực ngoại thành xây dựng các nhà nghỉ, các nhà hàng, khách sạn đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu ăn nghỉ tại chỗ. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ nhân viên lành nghề, tác phong và cung cách phục vụ chuyên nghiệp, văn minh, lịch sự.

Trong 5 năm, phấn đấu tiếp đón 4,35 triệu lượt du khách (riêng năm 2010 đón 1,2 triệu lượt khách), tăng bình quân 20%; trong đó, khách quốc tế chiếm 20% (tăng bình quân 10,8%), khách trong nước chiếm 80% (tăng bình quân 22,5%).

**c) Dịch vụ vận tải:**

Đồng thời với việc thi công các công trình quan trọng như cầu Cần Thơ, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, sân bay quốc tế Trà Nóc, cảng Cái Cui và sự phát triển của hệ thống đường bộ, bến bãi, ngành vận tải Cần Thơ sẽ ngày càng tăng tốc phát triển. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phương tiện, khai thác dịch vụ vận tải. Phát triển vận tải công cộng nội thị và nối các tuyến liên quận, huyện, liên tỉnh trong cự ly trên dưới 100 km. Mở thêm các tuyến mới nối Cần Thơ với các trung tâm lớn của cả nước bằng đường bộ, đường thủy và đường hàng không. Nâng cao năng lực luân chuyển hành khách, hàng hóa; bảo đảm an toàn, kiểm chế và giảm đáng kể tai nạn giao thông.

Dự kiến vận chuyển hàng hóa tăng bình quân 10,5 - 11%, luân chuyển tăng bình quân 12 - 12,5%; vận chuyển hành khách tăng bình quân 12,5 - 13%, luân chuyển tăng bình quân 13 - 13,5%.

**d) Các dịch vụ khác:**

Đẩy mạnh phát triển mạng lưới bưu cục trên địa bàn; mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin, Internet. Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị. Phát triển hoạt động tài chính, ngân hàng. Hình thành và phát triển thị trường vốn, bảo hiểm, khoa học công nghệ, tư vấn,... đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**3. Xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao:**

Diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm dần, từ khoảng 116.000 ha năm 2005 còn khoảng 100.000 - 107.000 ha năm 2010. Tỷ trọng tương đối trong cơ cấu GDP chỉ còn khoảng 10 - 11%, nhưng sản xuất nông nghiệp lại có vai trò rất quan trọng, vừa góp phần bảo đảm an

ninh lương thực quốc gia, vừa là nhân tố cân bằng môi trường, giữ gìn cảnh quan sinh thái cho một đô thị xanh, sạch, đẹp.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ - kỹ thuật cao. Xây dựng khu nông nghiệp công nghệ - kỹ thuật cao. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất giống. Nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Tăng cường hợp tác với Khoa Nông nghiệp (Trường Đại học Cần Thơ), Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, các viện, trường, các trung tâm nghiên cứu khoa học; phát huy vai trò Nông trường Sông Hậu, Nông trường Cờ Đỏ và mô hình kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại để phát triển kinh tế nông thôn, tăng thu nhập cho người sản xuất. Xây dựng các mô hình sản xuất tổng hợp. Gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến. Phối hợp giữa các ngành, doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân trong sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm..

Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến ngư. Có chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật cho cơ sở. Cung ứng giống, hướng dẫn nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, phổ biến mô hình, phương pháp canh tác tiến bộ, hiện đại, áp dụng đồng bộ các biện pháp cải tạo đồng ruộng, cơ giới hóa, điện khí hóa. Nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao. Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng thâm canh lúa, kết hợp nuôi thủy sản, phát triển mạnh kinh tế vườn, phát triển nghề hoa kiểng, cải tạo cảnh quan và kết hợp các loại hình du lịch sinh thái.

Tạo nguồn hàng nông sản chất lượng cao cho chế biến và xuất khẩu. Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản chất lượng cao với các sản phẩm chủ yếu là lúa gạo, ngũ cốc, rau quả, thủy sản, sản phẩm chăn nuôi và hoa kiểng với giá thành hạ, chất lượng cao, mẫu mã phù hợp với thị hiếu tiêu dùng. Nâng chất vùng lúa chất lượng cao (80.000 ha), vùng chuyên canh rau - màu (15.000 ha), vùng cây ăn trái giá trị kinh tế cao (15.000 ha).

Phân đầu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh 94) tăng bình quân 4,4%, giá trị tăng thêm tăng bình quân 4,9%; trong đó, nông nghiệp tăng bình quân 2,1%, giá trị tăng thêm tăng bình quân 2,5%; thủy sản tăng bình quân 10,5%, giá trị tăng thêm tăng bình quân 11,6%.

#### **4. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường:**

Sớm triển khai quy hoạch sử dụng đất cấp quận, huyện; kiện toàn hệ thống quản lý sử dụng đất đai cấp xã, phường. Thực hiện quy hoạch chi tiết các khu đất đô thị, khu cụm công nghiệp, khu trung tâm thương mại dịch vụ. Công bố ranh giới đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp. Công bố các chỉ giới đỏ. Công khai quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng. Nghiên cứu và ban hành chính sách huy động sự đóng góp của những đơn vị, tổ chức và người được trực tiếp hưởng lợi từ các công trình do nhà nước mới xây dựng.

Rà soát lại quỹ đất. Thu hồi đất đã giao cho các đơn vị nhưng sử dụng lãng phí, kém hiệu quả hoặc không đúng mục đích. Thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, đồng bộ nhằm xóa bao cấp về đất, chống đầu cơ, chiếm dụng trái phép và lãng phí đất đai. Tiếp tục xây dựng, ban hành các chính sách, giải pháp cụ thể, rõ ràng trong việc chuyển đổi đất đai từ giá trị tài nguyên thành giá trị vốn.

Tạo thuận lợi cho người dân thực hiện các quyền của người sử dụng đất, nhất là quyền chuyển nhượng đất. Huy động nhiều nguồn tài chính để xây dựng nhà ở, đáp ứng nhu cầu của người dân, đặc biệt là nhà ở đô thị. Thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với người có công, gia đình chính sách và đối tượng thu nhập thấp.

Tăng cường phòng chống ô nhiễm và cải tạo môi trường. Củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý môi trường. Từng bước xã hội hóa công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Cải tạo và phục hồi chất lượng các dòng sông thông qua các giải pháp lồng ghép với các công trình thủy lợi; xây dựng hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải cho các khu dân cư tập trung. Di dời các cơ sở sản xuất vào các trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của từng địa phương, kết hợp với áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hỗ trợ các cơ sở sản xuất xây dựng hệ thống xử lý chất thải. Kiểm soát chặt chẽ việc khoan và sử dụng các giếng khoan tầng sâu; nối mạng cấp nước tập trung nhằm giảm thiểu việc tự phát khoan giếng ngầm. Quy hoạch bãi rác tập trung; tổ chức công tác thu gom theo nhiều hình thức xã hội hóa (hợp tác xã, tư nhân đầu tư); áp dụng tiến bộ công nghệ trong xử lý, tái chế rác. Đẩy mạnh đưa giáo dục môi trường vào trường học, đồng thời tăng cường tuyên truyền và thực hiện Luật môi trường đến các cơ sở sản xuất kinh doanh, các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản. Tổ chức thường xuyên việc quan trắc, thanh tra, thẩm định môi trường, quản lý chất thải. Tích cực phòng chống cháy nổ và sự cố môi trường.

#### **5. Phát triển kết cấu hạ tầng và kiến thiết đô thị:**

**a) Phát triển kết cấu hạ tầng:****(1) Giao thông:**

Nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, đường hàng không; quan tâm khai thác thế mạnh sông nước, nâng cấp và xây dựng hệ thống cụm cảng, xây dựng mới bến tàu khách tại địa điểm phà Hậu Giang và xây dựng các bến tàu, bến xe khách các quận, huyện.

- **Hệ thống đường bộ:** nâng cấp và xây dựng mới các tuyến quốc lộ IA, 80, 91, 91B, Nam sông Hậu theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng (phần cầu tải trọng thiết kế H30 - XB80). Xây dựng hoàn thành cầu Cần Thơ. Nâng cấp các tuyến đường tỉnh 923, 924, 934, 934A, 934B theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng; đường tỉnh 921, 922, 926 đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng; đường tỉnh 932 đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng. Đầu tư mới tuyến Mậu Thân - Trà Nóc, Bồn Tổng - Một Ngàn, Thới An Đông - Lộ Bức, bờ kè Xóm Chài, bờ kè sông Hậu và sông Cần Thơ (đoạn qua nội thị), bờ kè cồn Cái Khế, đê bao cù lao Tân Lộc. Mở rộng hương lộ 28 nối QL 91 với đường tỉnh 923. Mở đường tránh ở các đô thị đối với các tuyến quốc lộ. Phát triển nhanh hệ thống đường huyện, liên quận, huyện, đạt cấp V đồng bằng. Hoàn chỉnh các tuyến liên xã, phường; bảo đảm 100% xã, phường có đường xe 4 bánh đến trung tâm. Bảo đảm các đường ấp có đường xe 2 bánh đi được 2 mùa mưa, nắng; xóa hết 100% cầu khỉ. Xây dựng bến xe Hưng Phú, bãi đậu xe khu vực nội thị.

- **Hệ thống đường thủy:** nâng cấp kênh Xà No và kênh Cái Sắn đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp 1, tuyến sông Ô Môn và kênh Thị Đội đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp 2. Nạo vét nâng cấp kênh Thốt Nốt, Bà Đầm, Bồn Tổng, kênh Đứng, rạch Cầu Nhím, rạch Cần Thơ - Tắc Ông Thục, kênh KH9 đạt tiêu chuẩn cấp 4. Nạo vét nâng cấp các tuyến đường thủy do quận, huyện quản lý đạt tiêu chuẩn cấp 5.

- **Hệ thống cảng:** đầu tư mở rộng, nâng cấp khu cảng Hoàng Diệu có khả năng tiếp nhận đồng thời 2 tàu 10.000 DWT và 1 tàu 5.000 DWT, năng lực thông qua cảng 2,3 - 2,4 triệu tấn/năm (kể cả chuyển tải tại phao). Xây dựng hoàn chỉnh cảng Cái Cui có khả năng tiếp nhận tàu 10.000 - 20.000 tấn, năng lực thông qua 2,3 - 2,5 triệu tấn/năm (có 800 ngàn tấn chở bằng container). Đầu tư khu cảng Trà Nóc có khả năng tiếp nhận tàu 10.000 DWT, năng lực thông qua 400.000 tấn/năm.

- **Đường hàng không:** nâng cấp sân bay Trà Nóc, đưa vào hoạt động các tuyến nội địa và một số tuyến quốc tế với các nước có quan hệ kinh tế đối ngoại với thành phố.

**(2) Điện:**

Cải tạo hệ thống lưới điện, bảo đảm an toàn, giảm tổn thất trên lưới. Đến năm 2010, bảo đảm các hộ dân đều có điện sinh hoạt. Tăng chỉ tiêu điện thương phẩm bình quân đầu người lên 1.428 KWh/người, nâng tỷ lệ sử dụng điện công nghiệp lên 54,2%.

Phối hợp với TW xây dựng Nhà máy I - Trung tâm điện lực Ô Môn; xây dựng trạm 110/22KV - 40MVA tại Hưng Phú; lắp đặt thêm máy biến áp 110/22KV - 2x40 MVA cho trạm Thốt Nốt; xây dựng trạm biến áp 110/22KV - 25MVA tại huyện Cờ Đỏ; xây dựng trạm 110/22KV - 40 MVA tại Ô Môn. Về tuyến, dự kiến Trung ương sẽ xây dựng đường dây 220 KV từ Cai Lậy đến Ô Môn và xây dựng trạm 220KVA, đường dây 500KV từ Nhà Bè đến Ô Môn đưa vào vận hành vào năm 2010; tiếp tục cải tạo và làm mới các đường dây trung thế, hạ thế.

**(3) Cấp nước:**

Mở rộng công suất, hoàn chỉnh hệ thống phân phối nước tại các quận, huyện. Xây dựng mới hệ thống cấp nước cho các khu đô thị mới, một số thị trấn, đô thị vệ tinh, hệ thống cung cấp nước sạch tập trung tại các trung tâm xã, khu dân cư tập trung, nối mạng khép kín hệ thống phân phối nước cho các tuyến dân cư. Đến năm 2010, cơ bản các hộ dân đều được sử dụng nước sạch, sản lượng nước của các nhà máy nước đô thị nâng lên 62,9 triệu m<sup>3</sup>.

**(4) Thoát nước:**

Đẩy mạnh tiến độ thực hiện và sớm đưa vào sử dụng hệ thống xử lý và thoát nước thải do Ngân hàng tái thiết Đức tài trợ. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải cho các khu công nghiệp và khu đô thị mới. Quy hoạch quỹ đất để xây dựng khu xử lý và các trạm bơm.

**(5) Xử lý rác thải:**

Đến năm 2010, nâng tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt trên 70%, thu gom và xử lý rác thải công nghiệp đạt trên 85%, thu gom và xử lý đúng quy trình, quy định chuyên ngành 100% rác thải y tế. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom rác thải. Mở rộng và xây dựng thêm hệ thống thùng

chứa rác và trung chuyển rác thải. Trang bị thêm xe chở rác và xe ép rác tự động. Tăng cường vận động giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử phạt hành chính về vi phạm quy định thải rác.

**(6) Thông tin liên lạc:**

Tiếp tục hiện đại hóa, đa dạng hóa các loại hình phục vụ thông tin liên lạc. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cáp quang. Nâng cấp bưu điện trung tâm thành phố, quận, huyện và các bưu điện văn hóa xã. Mở rộng mạng lưới phục vụ, phát triển bưu cục cấp III, đại lý bưu điện đa dịch vụ với bán kính phục vụ bình quân dưới 1,5 km. Tăng dung lượng các tổng đài, nâng tỷ lệ điện thoại bình quân/100 dân đạt 34,3 máy. Phát triển Internet về tận các điểm bưu điện văn hóa.

**b) Phát triển đô thị:**

Kết hợp cải tạo chỉnh trang các đô thị hiện hữu với đầu tư xây dựng các khu đô thị mới. Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng đô thị, kiến trúc cảnh quan theo hướng "đô thị xanh", giữ được bản sắc văn hóa sông nước đồng bằng. Giữ gìn trật tự kỷ cương, kiểm soát sự phát triển đô thị theo đúng quy hoạch. Hệ thống đô thị gồm: đô thị trung tâm (quận Ninh Kiều), 2 đô thị mang tính chất công nghiệp - cảng (Cái Răng, Bình Thủy), 1 đô thị dịch vụ đầu mối nông - thủy sản (Thốt Nốt), 1 đô thị công nghệ cao (Ô Môn), 1 đô thị sinh thái (Phong Điền); các đô thị vệ tinh trên trục Bốn Tổng - Một Ngàn, bao gồm các thị trấn Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai, Thạnh An; các cụm dân cư lớn gồm Trường Xuân, Đông Bình.

Để việc phát triển đô thị đạt tính khả thi cao, quá trình xây dựng các dự án phát triển đô thị cần tuân thủ quy hoạch các phân khu chức năng; sớm xác định các khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đơn giản hóa thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; nhanh chóng công bố chỉ giới đỏ và quy cách xây dựng trên từng phân khu chức năng. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các chính sách và cơ chế kêu gọi doanh nghiệp đầu tư phát triển đô thị. Thành lập Quỹ đầu tư phát triển đô thị.

**6 Tài chính - ngân hàng:**

**a) Tài chính:**

Tích cực khai thác, nuôi dưỡng nguồn thu; thực hiện các biện pháp quản lý thu, quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng, tăng cường chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Sử dụng hiệu quả nguồn viện trợ, nguồn bổ sung từ ngân sách TW và nhân dân đóng góp để đầu tư phát triển.

Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Kiện toàn bộ máy, tinh giảm biên chế. Thực hiện khoán kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước; tăng số đơn vị sự nghiệp tự cân đối thu - chi. Tập trung cho đầu tư, phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và các chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm nghèo, cải thiện mức sống dân cư.

Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa và sắp xếp DNNN theo phương án được phê duyệt. Tháo gỡ khó khăn kịp thời cho các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Thực hiện tốt chế độ công khai tài chính ở tất cả các ngành, các cấp, các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị dự toán và các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định. Tăng cường phân cấp cho các quận, huyện nhằm chủ động cân đối ngân sách, nâng cao trách nhiệm.

Đến năm 2010, dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 5.800 tỷ đồng, tăng bình quân tăng 17,91%. Trong đó, hai nguồn thu chính thức TW giao hàng năm là 4.509 tỷ đồng (thu nội địa 3.734 tỷ đồng, tăng bình quân 18%; thu xuất nhập khẩu 775 tỷ đồng, tăng bình quân 18,05%); các nguồn thu quản lý qua ngân sách 691 tỷ đồng (tăng bình quân tăng 10,47%); dự kiến ngân sách TW bổ sung có mục tiêu 600 tỷ đồng (tăng bình quân 30,9%).

Năm 2010, dự kiến tổng chi ngân sách nhà nước là 4.058 tỷ đồng, tăng bình quân 21,5%; trong đó, chi đầu tư xây dựng cơ bản 2.200 tỷ đồng chiếm 54,21% tổng chi ngân sách, tăng bình quân 22,22%. Tỷ lệ chi cân đối ngân sách địa phương/thu nội địa bắt đầu từ năm 2007 ổn định ở mức 95% (chi cân đối ngân sách địa phương 3.458 tỷ đồng, tăng bình quân 20,24%).

**b) Ngân hàng:**

Đa dạng hóa nguồn huy động vốn và tăng nguồn tín dụng đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế. Mở rộng lĩnh vực tín dụng đầu tư kết cấu hạ tầng, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, sửa chữa và xây dựng nhà ở nhân dân.

Đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa dịch vụ ngân hàng. Khuyến khích và ưu đãi việc thành lập các chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng nước ngoài để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp có quy mô lớn phát hành trái phiếu. Phấn đấu trở thành trung tâm tài chính của vùng ĐBSCL.

Nguồn vốn huy động tăng bình quân 25%, huy động tại địa phương tăng bình quân 25,13%; tỷ lệ vốn huy động/tổng dự nợ 47,46%; dự nợ tăng bình quân 25,75%, trong đó dự nợ trung dài hạn tăng bình quân 32,72%, ngắn hạn 23,3%.

#### **7. Huy động vốn đầu tư trên địa bàn:**

Nhu cầu vốn đầu tư trên địa bàn 78.326 tỷ đồng; trong đó, khả năng cân đối đầu tư dựa trên tích lũy từ nội bộ nền kinh tế chiếm 70,3%, TW hỗ trợ đầu tư chiếm 27,45%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 2,25%. Cụ thể:

- Vốn đầu tư của địa phương: 55.066 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý 9.101 tỷ đồng, chiếm 11,6%; tín dụng đầu tư phát triển 2.750 tỷ đồng, chiếm 3,5%; các doanh nghiệp nhà nước 7.200 tỷ đồng, chiếm 9,2%; vốn dân cư và các doanh nghiệp trên địa bàn 36.015 tỷ đồng, chiếm 46%.

- Vốn đầu tư của TW: 21.500 tỷ đồng; trong đó, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước do các Bộ, ngành TW quản lý 14.220 tỷ đồng, chiếm 18,15%; vốn tín dụng đầu tư 1.480 tỷ đồng, chiếm 1,9%; các doanh nghiệp nhà nước TW 5.800 tỷ đồng, chiếm 7,4%.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): 1.760 tỷ đồng.

Về cơ cấu đầu tư:

- Các ngành sản xuất và cơ sở hạ tầng kinh tế: 50.942 tỷ đồng, chiếm 65%;

- Cơ sở hạ tầng xã hội: 26.634 tỷ đồng, chiếm 34%;

- Một số lĩnh vực khác: 750 tỷ đồng, chiếm 1%.

#### **8. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại:**

Tăng cường hợp tác toàn diện với các tỉnh khu vực ĐBSCL, hợp tác trong nước và quốc tế. Xây dựng quan hệ với các tập đoàn kinh tế lớn, các tổ chức kinh tế của các quốc gia và vùng lãnh thổ đến Cần Thơ tìm cơ hội và thực hiện đầu tư trên địa bàn.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hợp tác đầu tư. Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư. Tiếp tục nghiên cứu kiến nghị, đề xuất và ban hành cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý an toàn và môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư. Xây dựng chiến lược xuất khẩu dài hạn, tăng khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ODA, NGO.

Trong giai đoạn 2006 - 2010, dự kiến cấp mới 35 dự án FDI, tổng vốn đầu tư 181 triệu USD; thu hút thêm 80 chi nhánh, văn phòng đại diện, kho hàng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thu hút vốn ODA 55 triệu USD và vốn NGO 5 triệu USD.

Đến năm 2010, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt 1.000 triệu USD, tăng bình quân 21,8%. Cơ cấu và tốc độ tăng giá trị nhóm hàng xuất khẩu: nhóm hàng nông lâm sản chiếm 24,6%, tăng bình quân 13,8%; nhóm hàng thủy sản chiếm 30,9%, tăng bình quân 11,8%; nhóm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 35,8%, tăng bình quân 44,3%; nhóm hàng hóa khác chiếm 8,7%, tăng bình quân 39,8%. Kim ngạch nhập khẩu đến năm 2010 đạt 600 triệu USD, tăng bình quân 19%.

#### **9. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:**

##### **a) Giáo dục - đào tạo:**

Trước hết, phải bảo đảm chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và kiện toàn bộ máy quản lý giáo dục trên cơ sở thực hiện tốt các khâu đào tạo, bồi dưỡng; sử dụng, đãi ngộ.

Củng cố và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Thực hiện đề án phổ cập giáo dục bậc trung học, đề án phát triển giáo dục mầm non. Nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm giáo dục thường xuyên tại các quận, huyện mới.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học. Hoàn chỉnh hệ thống Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp. Nâng cấp Trường Trung học Y tế và Trung học Văn hoá - Nghệ thuật lên thành trường Cao đẳng; Trường Cao đẳng Sư phạm thành Trường Cao đẳng đa ngành. Phối hợp nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trường trọng điểm quốc gia theo hướng phát triển đa ngành. Thành lập Trường Đại học kỹ thuật. Phối hợp thành lập Phân viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Học viện Hành chính quốc gia.

Tăng cường xã hội hóa giáo dục. Phát triển hệ thống trường tư thục. Thành lập Trường Đại học dân lập Tây Đô. Hợp tác với nước ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo đại học, sau đại học và đào tạo nghề. Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên ra nước ngoài học tập.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực. Chú trọng cán bộ khoa học, công nghệ, cán bộ quản lý trình độ cao, công nhân kỹ thuật lành nghề; thực hiện chương trình phổ cập nghề nghiệp cho người lao động; đào tạo lao động có tay nghề bậc 3 - 4, bảo đảm đến năm 2010 đạt tỷ lệ 36% lao động qua đào tạo. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo tại các trường đào tạo công nhân, trung học chuyên nghiệp. Thành phố dành ngân sách thỏa đáng để đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ sau đại học. Cùng với Đề án đào tạo ở nước ngoài nguồn nhân lực có trình độ sau đại học cho thành phố Cần Thơ giai đoạn 2006 - 2011, phấn đấu đến năm 2010 thành phố có khoảng 45 thạc sĩ, 15 tiến sĩ; trong đó, có khoảng 1/3 được đào tạo từ nước ngoài thuộc các chuyên ngành mà thành phố đang có nhu cầu. Tăng cường đào tạo nghề cho khu vực nông thôn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

#### **b) Khoa học và công nghệ:**

Tăng cường nghiên cứu khoa học, giải quyết tốt những vấn đề đặt ra về kinh tế, xã hội, nhân văn và môi trường của thành phố nhằm phục vụ yêu cầu phát triển bền vững. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động tư vấn, phản biện, thẩm định đối với các quy hoạch, chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội. Nhân rộng mạng thông tin; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin khoa học - công nghệ, môi trường phục vụ điều hành và quản lý nhà nước. Triển khai dự án tạo lập và phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, hệ thống canh tác tổng hợp; xây dựng vùng nguyên liệu nông sản chất lượng cao.

Tổ chức điều tra trình độ công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ; hỗ trợ, khuyến khích đổi mới công nghệ, đột phá trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ sản xuất vật liệu mới, tự động hóa. Có cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học, đổi mới thiết bị công nghệ, đổi mới tổ chức và quản lý hướng tới mục tiêu xây dựng nền kinh tế chất lượng, hiệu quả. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng hệ thống tiêu chuẩn phù hợp, xây dựng thương hiệu và đăng ký sở hữu công nghiệp. Nâng cao chất lượng công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và công tác thanh tra.

#### **10. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm y tế:**

Nâng cao hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, y tế dự phòng. Nâng cao sức khỏe và thể lực của nhân dân. Giảm tỷ lệ mắc bệnh; không để các dịch bệnh lớn xảy ra, đặc biệt là các bệnh mới phát sinh. Khống chế tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc và chết do các bệnh nhiễm trùng, sốt xuất huyết, thương hàn, tiêu chảy; duy trì thanh toán bệnh bại liệt; loại trừ uốn ván sơ sinh; hạn chế tốc độ lan truyền HIV/AIDS; hạn chế bệnh tim mạch, ung thư, tiểu đường...

Củng cố mạng lưới y tế, nâng cao năng lực khám và chữa bệnh. Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa thành phố, Bệnh viện nhi đồng, các bệnh viện chuyên khoa (ung bướu, phụ sản, tim mạch...), Trung tâm truyền máu khu vực, bệnh viện các quận, huyện. Nâng cấp các trạm y tế phường, xã theo chuẩn quốc gia. Từng bước hoàn thiện ngành dược, bảo đảm cung ứng đủ thuốc có chất lượng đến người tiêu dùng, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đổi mới chính sách thu viện phí đi đôi với việc thực hiện chính sách trợ cấp cho người nghèo và khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi. Đổi mới chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, nhân viên y tế ở các cơ sở khám chữa bệnh; ngăn chặn xu hướng thương mại hóa các hoạt động tại bệnh viện. Nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt các mục tiêu về dân số, gia đình và trẻ em.

Đến năm 2010, dự kiến số giường bệnh/vạn dân là 18,79 giường, số bác sĩ/vạn dân 7,8 người; giảm tỉ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi còn khoảng 0,2%; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn khoảng 20%; tăng tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được miễn dịch đầy đủ đạt trên 95%.

**11. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm văn hóa:****a) Văn hoá thông tin:**

Đẩy mạnh phát triển phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; xây dựng những đặc trưng riêng của con người Cần Thơ là "*Trí tuệ - năng động - nhân ái - hào hiệp - thanh lịch*", phát huy gương điển hình "người tốt, việc tốt". củng cố, nâng chất và phát triển mô hình xã, phường, ấp, khu phố, gia đình văn hóa; nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa ở các công sở, trường học, chợ, nơi công cộng, địa bàn dân cư; xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục. Phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng. Nâng cao chất lượng sân khấu ca múa nhạc và phong trào đờn ca tài tử. Xây dựng đội ngũ nghệ sỹ chuyên nghiệp đạt tầm quốc gia cho đoàn nghệ thuật ca nhạc kịch và đoàn cải lương của thành phố. Đẩy mạnh sáng tác, sáng tạo văn học, nghệ thuật. Thực hiện tốt chính sách văn hóa đối với các tôn giáo. Đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan, các vật phẩm phi văn hóa, phản động. Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nội dung, bảo đảm sự lành mạnh trong các hoạt động, dịch vụ văn hóa và sản phẩm văn hóa.

Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Xây dựng mới trung tâm văn hóa, thư viện các quận huyện; trước mắt xây dựng Trung tâm Văn hóa quận Ô môn phục vụ cho Lễ hội Khmer Nam bộ lần IV dự kiến tổ chức vào năm 2008 tại thành phố Cần Thơ. Trưng tu, bảo tồn các công trình văn hóa, di tích lịch sử và giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc. Đầu tư xây dựng mới Thư viện thành phố, Trung tâm điện ảnh và dịch vụ văn hoá, Quảng trường - Nhà hát lớn, Trung tâm sách Cần Thơ. Xây dựng Trung tâm văn hóa Tây Đô là nơi giáo dục truyền thống, tổ chức lễ hội, du lịch vui chơi, giải trí cho vùng ĐBSCL và giữ gìn bản sắc văn hóa Tây Nam bộ.

**b) Thể dục thể thao:**

Thực hiện Chương trình phát triển thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010 của Ủy ban Thể dục thể thao. Xây dựng các địa điểm tập luyện thể dục thể thao cấp xã, phường; phấn đấu đến năm 2010 đạt chỉ tiêu 2 - 3m<sup>2</sup> đất/ đầu người dành cho tập luyện thể dục thể thao; thu hút ngày càng nhiều người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

Phát triển thể thao thành tích cao. Tăng cường đào tạo vận động viên trẻ. Duy trì và tăng thêm số đội thể thao và vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia.

**c) Phát thanh, truyền hình - báo chí - xuất bản:**

Nâng cao chất lượng công tác phát thanh, truyền hình. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật Đài Phát thanh - Truyền hình Cần Thơ. Phát triển hệ thống truyền thanh cấp quận - huyện và cơ sở. Tăng cường chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phát thanh truyền hình. Phát triển và mở rộng hệ thống truyền hình cáp và truyền hình qua vệ tinh.

Phát triển mạnh sự nghiệp báo chí, xuất bản. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng báo Cần Thơ, báo điện tử Cần Thơ, Tạp chí văn nghệ, Tạp chí khoa học. Xây dựng đề án xin phép thành lập Nhà xuất bản Tây Đô.

**12. Về lao động, việc làm, giảm nghèo và chính sách xã hội:****a) Lao động, việc làm:**

Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh để tạo việc làm, nhất là đối với các ngành nghề sử dụng nhiều lao động; đổi mới hoạt động của các Trung tâm Giới thiệu việc làm. Phát triển mạng lưới dạy nghề cho người lao động. Tập trung đào tạo lực lượng lao động chuyên môn cao, tạo bước chuyển về chất trong công tác xuất khẩu lao động. Phát triển thị trường lao động.

**b) Giảm nghèo và chính sách xã hội:**

Tăng cường hợp tác quốc tế và huy động mọi nguồn lực của cộng đồng thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới. Phân cấp quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo.

Đẩy mạnh xã hội hóa các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, gia đình thương binh liệt sĩ và bảo trợ xã hội thông qua các hoạt động "Quý đền ơn đáp nghĩa", "Quý vì người nghèo". Hỗ trợ nhân dân giải quyết nhà ở chuột đô thị, nhà tạm bợ ở nông thôn. Thực hiện tốt chính sách tái định cư và nhà ở cho người có thu nhập thấp.

Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, chương trình hành động phòng, chống ma túy. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, mặt trận, đoàn thể, các địa phương trong công tác quản lý và giám sát các đối tượng tệ nạn xã hội. Xây dựng mô hình xã, phường, thị trấn không có tệ nạn xã hội.

### 13. Về quốc phòng an ninh:

Quán triệt Chỉ thị 12 của Bộ Chính trị và Đề án của Ban cán sự Đảng Chính phủ về tăng cường đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nam bộ; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, bảo đảm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và công an thành phố chính quy, từng bước hiện đại, trong sạch vững mạnh; lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu theo qui định; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là các loại tội phạm có tổ chức, tội xâm phạm đến quyền trẻ em, tạo chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, trật tự an toàn xã hội, trật tự giao thông, kỷ cương, văn minh đô thị.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện còn tồn đọng, nhất là về nhà đất, giải tỏa, bồi thường ở các khu quy hoạch, ở các nông trường trên cơ sở pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra "điểm nóng". Kiên quyết xử lý kịp thời, đúng pháp luật với những hành vi lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" để gây rối, vi phạm pháp luật.

## IV. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH:

### 1. Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư:

- Phát triển mạnh thị trường vốn. Đa dạng hóa các nguồn vốn, đầu tư đúng mục tiêu, đảm bảo tăng trưởng ổn định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng. Hệ thống các ngân hàng kịp thời cung ứng tín dụng với lãi suất hợp lý. Cải tiến các hình thức, biện pháp thu ngân sách, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn vốn ngân sách, khuyến khích mua cổ phần, trái phiếu, công trái, gửi tiết kiệm.

- Ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế như giải tỏa, bồi thường đất đai, thuê đất lâu dài, cung ứng và đào tạo lao động, xây nhà ở cho công nhân, dân cư có thu nhập thấp, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tháo gỡ khó khăn, khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực có lợi thế.

- Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể cho các khu đô thị mới, các khu, cụm công nghiệp, thương mại như chính sách đất đai, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm công nghiệp, chợ và các trung tâm thương mại dịch vụ; phát hành trái phiếu đô thị và thành lập Quỹ đầu tư phát triển đô thị. Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến đầu tư, thực hiện các dịch vụ tư vấn theo yêu cầu của các nhà đầu tư. Sớm hoàn thành thủ tục các dự án đã có chủ trương dùng quỹ đất để tạo vốn, lập kế hoạch sử dụng để tạo vốn đầu tư theo qui định.

- Xây dựng nhanh các khu công nghiệp, trung tâm thương mại; bồi thường tái định cư; đầu tư hệ thống hạ tầng bằng các hình thức huy động vốn: ngân sách, doanh nghiệp ứng vốn trước, BOT, BO, nhà nước và nhân dân cùng làm...

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, xóa bỏ các thủ tục rườm rà, các hành vi sách nhiễu, quan liêu đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thủ tục đầu tư xây dựng, chuyển quyền sử dụng đất, cho thuê đất... Tăng cường công tác đối ngoại, mời gọi đầu tư nước ngoài.

### 2. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực và thu hút nhân tài:

- Tiếp tục thực hiện chủ trương thu hút cán bộ khoa học công nghệ và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; ưu tiên cho người có trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ cao, cán bộ khoa học kỹ thuật và các doanh nghiệp đầu tư lâu dài nhập cư vào thành phố; đẩy mạnh công tác tuyển sinh đại học có mục tiêu; tăng cường hợp tác, liên kết với các trường đại học quốc gia, các trường đại học lớn trong nước và nước ngoài đào tạo cán bộ chuyên sâu, các ngành công nghệ kỹ thuật cao, kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật... Sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có.

- Đa dạng hóa các hình thức giao dịch trên thị trường lao động; hỗ trợ nâng cao năng lực các trung tâm giới thiệu việc làm, hội chợ việc làm. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, tạo điều kiện và khuyến khích người lao động tự tạo việc làm. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện các hoạt động và giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp xuất khẩu lao động.

### **3. Chính sách phát triển tiềm lực khoa học công nghệ:**

- Ngân sách đầu tư thỏa đáng cho công tác khoa học, tăng cường công tác thống kê, thông tin trên mạng, phổ biến thông tin khoa học kỹ thuật, thị trường cho các doanh nghiệp.

- Nghiên cứu các cơ chế, chính sách tạo điều kiện để sản phẩm khoa học, công nghệ thực sự trở thành hàng hóa. Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, quyền trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu. Khuyến khích các tổ chức khoa học công nghệ tham gia thực hiện các giao dịch chính thức trên thị trường khoa học công nghệ; liên kết các cơ sở nghiên cứu, các đề tài, dự án, phòng thí nghiệm, trang thiết bị trong và ngoài thành phố.

- Phát triển nhanh công nghệ thông tin vào trường học, vào công tác quản lý nhà nước, nhất là ở cấp cơ sở phường, xã.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trích quỹ để nghiên cứu khoa học. Xây dựng cơ chế hợp đồng liên kết về nghiên cứu khoa học.

- Mở các lớp tập huấn, các hội thảo chuyên đề, hội chợ "công nghệ" nhằm nâng cao trình độ lực lượng khoa học công nghệ và quản lý môi trường địa phương.

### **4. Nâng cao năng lực quản lý hành chính:**

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể về cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010, Quyết định 181 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thực hiện cơ chế "một cửa" tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, nhất là trong lĩnh vực xây dựng, nhà đất, đầu tư và các khâu liên quan đến đăng ký kinh doanh, giải quyết nhanh, tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí.

- Sắp xếp lại tổ chức, biên chế nhà nước theo hướng tinh gọn, đủ năng lực đảm đương hoàn thành nhiệm vụ. Tin học hóa trong các cơ quan nhà nước hành chính, hoàn chỉnh nối kết mạng thông tin giữa các cơ quan hành chính và các đơn vị hành chính trên địa bàn.

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chế độ thông tin công khai cho dân về chủ trương, chính sách của Nhà nước, của chính quyền địa phương. Nghiên cứu tổ chức một số Trung tâm dịch vụ công, thực hiện cơ chế khoán một số loại dịch vụ công cộng như vệ sinh đô thị, cấp thoát nước, cây xanh công viên, nước phục vụ nông nghiệp...

- Phân cấp về tài chính, tổ chức và cán bộ, nâng cao vai trò chủ động của ngân sách quận, huyện trong điều hành, quản lý. Nghiên cứu mở rộng nguồn thu cho quận, huyện từ sử dụng quỹ đất, các khoản thu phạt hành chính, thu thuế các loại hình doanh nghiệp.

## **V. KIẾN NGHỊ:**

Trong điều kiện mới thành lập, còn nhiều khó khăn, ngoài sự nỗ lực phấn đấu của địa phương, thành phố Cần Thơ rất cần sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương để có thêm điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết 45/NQ-TW của Bộ Chính trị đã đề ra, nhất là trong giai đoạn 2006 - 2010; UBND thành phố Cần Thơ kiến nghị Trung ương xem xét hỗ trợ các vấn đề về cơ chế, chính sách như sau:

1. Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Quyết định về cơ chế ưu đãi tài chính và đầu tư cho thành phố Cần Thơ theo Nghị quyết 45- NQ/TW của Bộ Chính trị. Chỉ đạo các Bộ, ngành TW sớm thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020 và nghiên cứu hình thành vùng kinh tế trọng điểm thứ 4 của cả nước. Sớm bố trí vốn và triển khai các công trình, dự án trọng điểm do các Bộ, ngành TW đầu tư trên địa bàn thành phố.

2. Đề nghị Chính phủ cho thành phố được hưởng tỷ lệ điều tiết 100% các khoản thu phân chia theo Luật Ngân sách và ổn định trong kỳ kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

3. Tăng hạn mức vốn vay tín dụng ưu đãi và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư để phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp tập trung, các Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dự án khác thuộc diện ưu đãi đầu tư trên địa bàn.

4. Ưu tiên kêu gọi vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đối với các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng như nâng cấp đô thị, cấp thoát nước, xử lý nước thải, giao thông, giáo dục - đào tạo vào đầu tư trên địa bàn thành phố. Thành phố Cần Thơ được phân cấp cấp giấy phép đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến 40 triệu USD.

5. UBND thành phố Cần Thơ được phép quyết định hình thành quỹ đất, quỹ đầu tư phát triển đô thị, thành lập Công ty Tài chính theo qui định của pháp luật.

6. Phân cấp cho Chủ tịch UBND thành phố được quyết định đầu tư các khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Trước mắt, đề nghị TW cho phép thành lập Khu công nghiệp tập trung Thốt Nốt trên cơ sở nâng cấp 3 Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hiện nay của huyện Thốt Nốt.

#### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

Trên cơ sở Nghị quyết 45- NQ/TW ngày 17/02/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Nghị quyết 31/2005/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2005 của HĐND thành phố Cần Thơ về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp cơ bản của Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, yêu cầu các Sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ vận dụng xây dựng kế hoạch cụ thể, sát hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các quận, huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần kịp thời báo cáo về UBND thành phố để chỉ đạo giải quyết./.